

Y Uyên

Có loài chim lạ

Vài dòng về tác giả

Y Uyên tên thật là Nguyễn Văn Uy, sinh ngày 6 tháng 8 năm 1943, tại làng Dục Nội, quận Đông Anh, tỉnh Phúc Yên, Bắc Việt.

Di cư vào Nam, anh theo học trường Sư phạm Sài Gòn. Sau khi tốt nghiệp, ra dạy tại Tuy Hoà.

Nhập ngũ khoá 27 Trường Võ bị Thủ Đức, mãn khoá, thuyên chuyển đi đóng đồn Nora tại Phan Thiết. Không bao lâu sau, anh bỏ mình trong một trận phục kích bên một dòng suối gần chân núi Tà Lơn, ngày 8 tháng 1 năm 1969.

Muốn biết rõ hơn về thân thế cùng văn nghiệp tác giả, xin coi bán nguyệt san Văn, số 129, ngày 1.5.1969.

Về tác phẩm

Nhân giáp ngày giỗ Y Uyên, chúng tôi cho ấn hành tập truyện cuối cùng của anh, gọi là thấp nén tâm hương tưởng niệm người đã khuất.

Theo chỗ hiểu biết của nhiều thân hữu của Y Uyên ở Tuy Hoà trước đây, thì ba đoản thiên in nơi những trang sau, được trích trong một truyện dài viết dở dang, "truyện mà thuở sinh thời tác giả đã đặt tên là "Có loài chim lạ".

Đoản thiên thứ tư, tác giả đã viết cho số Văn đặc biệt có chủ đề "Hà Nội, quê hương trong trí nhớ". Nhan đề truyện đó, "Có heo may Hà Nội", do chúng tôi đặt, và nay xin giữ y nguyên, như một kỷ niệm thâm tình...

Sài Gòn, tháng 12 năm 1971

Trần Phong Giao

Pho tượng đứng đó

Xuống tới bãi trời trong, đám người bước mau hơn. Một thanh niên hỏi Dân:

"Vụ đó tới đâu rồi?"

Dân chắc anh ta muốn hỏi về Yên, cười gượng:

"Chẳng đi tới đâu".

Người thanh niên nhìn Dân lộ một chút ngạc nhiên để thay thế một câu hỏi khác chắc Dân sẽ không ư. Dân ngại phải nhiều lời, nói tiếp:

"Lúc mấy cậu tới tôi đã định giữ lại để cô ấy thấy đông, về cho sớm. Từ tối hôm đó, cũng không thấy tới nữa".

Trước mặt đám người, vùng nước rộng quanh eo, cuộn cuộn đất màu. Giờ là mùa khô. Nước nguồn như vậy là hung dữ. Người học trò từ miền ngoài vào thi bằng hoàng nhìn mặt trời xuống chéch chói mắt, nhảy ùm xuống luồng nước lạ. Dân đứng tần ngần nhìn mọi người xuống tắm. Nước lạnh lẽo như mang nhiều xác lá mục. Dân hỏi đã nhận lời rủ của đám học sinh, chần chừ cởi quần áo. Chân vừa ngập nước, Dân rùng mình nổi da gà rồi liềm linh nhào bừa ra luồng nước bỏ cho thân thể chìm xuống giữa đà cuốn băng băng... Những đốm vàng loá trước mắt có ánh xanh xanh lạnh lẽo. Dân thấy giả chết cũng có vẻ ngộ nghĩnh và mơ hồ thấy mình cười với một khuôn mặt không rõ chìm dưới lớp đất vẫn như phù sa.

"Chịu hết nổi rồi".

Dân nhồi lên nói và ngờ ngác tìm kiếm bọn kia. Họ ở thực xa, nom nhỏ li li. Dân ngong theo đà nước, giạt người vào một bờ cỏ bị xói lở. Ngâm mình một lát, Dân tìm cách lên bờ, nằm dài ra thở. Mặt trời vàng cả những mây sa thấp. Dân nghĩ: kiểm lấy một vài điều để viết cho Thục. Dân nhớ là Yên đã đến lúc lá thư vừa mới phóng mấy chữ quen thuộc: "Nhà bà ngoại, ngày... tháng... 1967". "Yên nó xấu, nó tục đến sốt ruột". Dân nghĩ lúc đưa Yên ra ngõ. "Vậy mà nó vẫn nói lảng lúc mình đòi cưới". Dân chắc vẫn chưa dứt khoát thoát khỏi những ngày bị bệnh trở lại, lơ đãng nghe tiếng bọn kia âm ỉ và tiếng nước. Trong những giấc mơ, dường như cũng có lúc Dân đòi cưới một người nào đó. Dân ghê sợ đôi bàn tay của người y tá mỗi lúc nghĩ vẫn chưa thoát khỏi ông ta. Hai bàn tay thực run, nhớp nháp mồ hôi tối nào cũng cử động có bấy nhiêu: chích nín thở, nhón của Dân một điều thuốc và chia ra cho Dân bắt. Dân bật cười. Cũng may, nếu mình là con gái chắc cũng mơ đòi cưới cha ấy. Thục nghĩ sao nếu biết những chuyện Dân ở đây? Thục thì chẳng bao giờ làm ồn. Bữa mua xổ số, Thục có vẻ không thích nhưng vẫn không nói. Dân lựa hai tấm, một giữ, một đưa cho Thục: "Nếu hai tấm cùng trúng, chúng mình không lấy được nhau". Thục yên lặng nghe Dân, đưa tấm vé số lên trước mặt giả làm gương soi vuốt lại những lọn tóc bỏ trên vai.

Gã học trò tỉnh ngoài đã lên nằm dài bên đồng quần áo. Gã là thi sĩ, chiều nay thi xong môn cuối gã sợ rớt cuống cuồng. Gã đang kêu "con nước", "hoàng hôn", "ráng chiều" gì đó. Dân che mắt nhìn những tia chói vàng trong vùng mây như nối liền với khoảng mù ở đầu nguồn. Những âm thanh ở phía gã học trò thực khó nghe. Lúc để ý, chỉ có cảm tưởng gã nằm ngửa mặt bên mép nước mòm la không ngớt. Dân nằm nghe ngóng – chẳng hiểu mình nghe ngóng gì – tới lúc nghe bọn kia lao xao gọi về. Giữa đường, gió nổi lớn, bụi cát quần quít đầu tóc chưa khô. Nhưng Dân thấy mình như vậy là đã quá sạch. Vào phố, Dân chia tay đám học sinh. Thấy chưa tới giờ đi ăn cưới, Dân đi uống một chai la-de. Mùa nóng, gió ồn ào mà khô nhăn da. Dân kiếm một tiệm có hàng rào cây xanh ngăn bụi. Đặt chiếc ghế vào sát thân dừa lấy chỗ tựa, dân ngắm xung quanh thấy mình như ngồi trong một khu vườn. Dân uống chậm cho tiêu thời giờ. Dân nhớ tới tiếng ve trong những chòm cây bắt đầu tới ở bãi cỏ trước nhà, chiếc bàn kê dài ra sân ăn bữa cơm muộn, những chiếc ghế thực chắc mẹ Dân sắm riêng cho mấy đứa con trai lớn ư ngồi ngả nghiêng. Giờ thì không còn một tên ở nhà. Mẹ Dân đỡ mệt nhưng chắc buồn. Riêng với Dân, bà vẫn tiếc không được giàu có để ở gần sân soccer Dân. Bà chỉ còn cách gửi thư khuyên Dân mỗi khi bớt bệnh, nên kiếm la-de uống trước mỗi bữa ăn. Dân ghé qua về nhà thay quần áo và rũ lại tóc. Vào ngõ, Dân mới nhớ ra tối nay có cái hẹn với một người đàn bà có cái tên giả thực khó nhớ. Kiều Bích. Bà ngoại Dân không có nhà. Hai hàng lái tây

dẫn vào trong sân nở đầy bông. Những chiếc vỏ trứng vịt úp trên các ngọn lá cây dừa lớn làm cảnh ở trước nhà có gió rung chập chờn. Dẫn ra đầu nhà chỗ đặt một dãy chum lớn múc nước mưa uống và rửa mặt. Dẫn bắt chước một người anh Dẫn huyết sáo cho bót vắng vẻ. Thấy con nhỏ nhà bên cạnh đang ùi đồ trên hiên, Dẫn băng lối sau vườn sang nhờ nó ùi chiếc khăn tay. Con bé rục rờ đẹp trong một thân thể hết lớn thêm. Nó cười cười bồn cợt Dẫn về Yên và tò mò hỏi Dẫn đi ăn cưới ai. Dẫn bảo:

"Ủi đi cô. Lúc về tôi lấy trộm cho mớ confettei với vài miếng bánh, gắp thức mà chờ".

"Tôi chờ thực đó".

Nó nói và cặm cùi ùi, mồ hôi nhỏ giọt. Dẫn nhìn mớ đồ quen mắt bao lâu nay. Nhưng chiếc ny-lon hoa lá nhỏ nhắn, mấy cái bandeau đủ màu, hai núm "xú chiêng" nhỏ bé, tội nghiệp. Dẫn nhớ tới người anh có tiếng huyết sáo những lúc chạy rong. Hấn thương nó lâu quá. Ra trường rồi hấn trở về đây không chừng. Bà ngoại đã bảo: "Thằng Dẫn-anh bị con bé nó cột chân tay rồi".

"Anh Dẫn-anh đòi ra đây đó".

Dẫn nói đùa. Con bé lườm Dẫn.

"Ảnh ra, ăn nhằm gì tới tôi".

Dẫn bật cười, cầm khăn về nhà. Con bé vọng theo:

"Tôi chờ thực đó".

Ngôi nhà ngói có hành lang bốn phía nom thấp, tối. Dẫn bật đèn, soi gương vận quần áo và nghĩ qua loa về Kiều Bích. Bà ngoại Dẫn vẫn chưa về. Mấy con chuột đã quen thói bắt đầu cắn nhau chí chóc trên bàn trang điểm của dì Phong ở phòng sau nhà. Dẫn để đèn sáng, đóng cửa, ra sân nói vọng sang nhà con nhỏ:

"Coi nhà giùm tôi. Có ai tới, nói cỡ tám giờ tôi về".

Dẫn đi như chạy bụi. Phố đông người, nhiều thí sinh chọc gheo gái qua đường. Đám cưới của người bạn thực đơn giản, rất hợp với Dẫn. Sau khi dùng nước ở nhà, hơn ba chục người kéo nhau ra tiệm. Con gái chiêm già nửa. Khi được sắp xếp ngồi đối diện, họ có vẻ ngượng. Bên đàn ông khơi mào ồn ào. Dẫn xin chỗ để ngồi với Lan. Tiếng vỗ tay khuyến khích. Lan mặc cỡ nhìn xuống ly Coca tối màu. Dẫn đã có mấy hơi Black and white uống lấy được, tự dung hào hùng. Anh bạn tổ chức mỗi năm phút lại yêu cầu Dẫn cho kết quả. Khi Lan đã chịu nói, anh bạn tổ chức cho riêng hai người vài kiểu hình. Lần lượt những giọng say được Dẫn mời đứng lên bày tỏ cảm tưởng về cô dâu chú rể mới. Dẫn rắc lên phần bánh flan của Lan ít confetti màu áo cô dâu và mời Lan. Lan cười không từ chối. Dẫn uống thêm và thấy cảm ơn Lan thực tình. Lan đầu và vai đầy confetti như có vẻ đẹp cô dâu từ khi chưa biết nghĩ chuyện vợ chồng. Dẫn cũng lấy cái hồn nhiên của người bạn đang uống thực vui bên vợ mới cưới, thấy mình cũng có vẻ chú rể. Nhưng không có cô dâu nào cho Dẫn. Dù nhiều lần đòi cưới, chưa bao giờ Dẫn hình dung được một hạnh phúc chồng vợ quen thuộc với mình. Dẫn nhớ tới Thằng hôm hấn đột nhiên có mặt ở đây. Hấn nói đã cưới vợ, có con và lấy làm tiếc. "Tao đang ăn khách", hấn than thở. Hấn mò về đây cũng không ngoài mục đích để được xa vợ con ít ngày, kiếm lại một vài tình nhân cũ. Dẫn mệt cái ồn ào của hấn, nói bịnh để khỏi đi cặp với hấn lang thang kiếm gái và tìm người bán lại khẩu colt 12. Một buổi trưa, bà ngoại Dẫn đi vắng, hấn dẫn Kiều Bích về phòng Dẫn. Dẫn bỏ xuống phòng dì Phong loay hoay kê lại tấm gương bầu dục ở bàn trang điểm cho dì được chừng mười lăm phút thì thấy hấn ra sau đi tiểu ghé vào bảo Dẫn: "Em vẫn như xưa". Sau đó, hấn đi giao súng cho một người bạn cũ, nói nửa giờ sẽ về. Dẫn lên thấy Kiều Bích đang nằm quạt, vận bộ đồ đen của Thằng. Kiều Bích nhòm dậy, nom hiên thực, khiêm tốn. Nàng nói: "Em là em gái anh Thằng. Nghe anh Thằng nhắc tới anh đã lâu, giờ mới được gặp, em thực mừng".

Dẫn ra khỏi tiệm ăn mới thấy nôn nao khó chịu. Dẫn vừa đi vừa rũ confetti trên tóc để có những cử động làm quên phần nào cơn say. Về tới nhà, Dẫn thấy người y tá hút thuốc chờ ở trên hiên. Ông ta đưa tay bắt lúc Dẫn bước lên mấy bậc thêm. Dẫn nắm chặt bàn tay nhớp nháp của ông ta và mửa thốc tháo.

"Nguy quá, rượy say lại đi gió".

Tiếng ông ta kêu vang ngôi nhà vắng. Dẫn quỳ xuống thêm chống tay vào cột nôn không còn muốn đứng dậy. Người y tá chặn ngực và lưng cho Dẫn rồi dìu vào nhà. Dẫn nằm thẳng căng nghe ông ta loay hoay ở một chỗ đâu đó như tìm kiếm vật gì. Giá có một trong những người Dẫn đòi cưới gỡ

giùm chiếc cà vạt. Tiếng động do người y tá gây nên đi xa hơn. Dường như ông ta đang lục lọi cùng mấy con chuột ở trên bàn trang điểm của dì Phong. Một lát, lòng bàn tay và gan bàn chân Dần được bôi mát. Dần giựt mình hỏi:

"Ông bôi thứ gì đó?"

"Vôi của bà già đó mà. Vôi cũng như chanh, giải say".

Dần mở rộng hai bàn tay, thở thiem thiep. Hai bàn tay, hai chân Dần như thoa đầy kem thoa mặt của dì Phong.

"Bữa nay nghỉ chích một buổi, ông có thể về. Cám ơn ông".

Dần nói lên khoảng không. Người y tá lại rờ rờ trên người Dần, nói khôì hài làm Dần cười như ngủ mơ rồi chào ra về. Dần nghĩ tới người học trò từ miền ngoài vào thi bằng hoàng nhìn mặt trời xuống chéch chói mắt nhảy ùm xuống luồng nước lạ. Buổi chiều thấy xa như ký ức về tiếng gọi nhau ẩm ới của bọn đi tắm và tiếng nước. Dần vẫn nhắm mắt, đưa lòng bàn tay xòe rộng lên mặt người xem có phải mùi kem trong cái hộp bắm bụi trên bàn trang điểm của dì Phong. Hôm đi đi, cuốn tiểu thuyết của Mai Thảo vẫn còn đánh dấu bằng mụn vải vàng non ở nửa phần cuối, Kiều Bích ưa đọc Mai Thảo. Dần cho là Kiều Bích nói dối. Nhưng khuôn mặt Kiều Bích thực vẫn hiền thực, giọng nói vẫn khiêm tốn dễ thương. Dần nhòm dậy ra khép cánh cửa phập phành. Sao giờ này Kiều Bích chưa tới? Dần thiu thiu ngủ, mơ gặp một cái thực bất ngờ: Reita Faria, hoa hậu Ấn Độ. Lúc tỉnh dậy Dần thấy nhức đầu, thấy có hương thơm và ánh trắng. Một người đàn bà quần áo trắng ngồi bán khoán ở chiếc ghé cạnh giường.

"Kiều Bích".

Dần nhòm dậy buột mồm kêu cái tên già của cô ta. Dần coi đồng hồ:

"Cũng may tôi mới chợp mắt có một lát".

"Em đã định về".

Kiều Bích nói dịu dàng. Giọng cô ta như giọng con gái. Dần nói vừa đi ăn cưới về, bảo Kiều Bích ra ngoài chum nước rửa mặt. "Reita Faria", Dần như cầu một điều lành rồi bật cười như vừa có được một vật dụng mới. Đồng hồ trong nhà gõ chín giờ. Dần nhớ ra đã quên lời hứa với con bé nhà hàng xóm. Gió bắt đầu lớn. Dần quay vào thoáng chút ngạc nhiên lúc hai người nhìn nhau. Hồi nãy mặt Kiều Bích như không thoa kem. Giờ thì nom rõ thực vẻ khờ khờ của những nét tinh nhanh bị lấp kín. Kiều Bích thành một khối trắng dịu dàng với ít điều che giấu.

"Nhà anh thực lắm chuột".

Kiều Bích nói. Dần nói đùa:

"Có vài con thôi nhưng đêm nào chúng cũng ồn ào trang điểm".

Kiều Bích kéo xích chiếc ghé ngồi lùi ra sau lúc Dần ngồi lại gần. Vẫn dáng khoan thai, vẫn tấm áo không cổ ba nút gài bằng vải sau lưng và chuỗi hạt đen huyền. Hai tấm áo dài nói đang may vẫn chưa tới ngày lấy. Khuôn mặt trong mớ tóc ôm kín gáy vẫn mơ hồ gợi chút xúc động. Dần ngồi nói dông dài, không nhắc tới chuyện đưa Kiều Bích đi thăm người bạn như đã hứa. Dần nghĩ tới Thắng lúc hẳn đi tiêu. Đêm nay Dần lén bà ngoại giấu người đàn bà trong nhà này chắc cũng được. Cùng lắm, để Kiều Bích trong phòng dì Phong, chẳng bao giờ bà cụ ngờ tới.

"Thứ hai tới em vô lại Sài Gòn".

Kiều Bích nói.

"Tôi không định về. Chờ tôi cùng đi cho vui chịu không?"

"Chùng nào anh về?"

Dần nhiệt thành với một câu mơ hồ:

"Ồ... tôi cố gắng sao để cùng về với Kiều Bích".

Kiều Bích cười một mình. Dần nhìn hai bàn tay đặt trên mép áo thấy già và đen đui, khác hẳn khuôn mặt. Người bạn Kiều Bích định tới thăm cho Dần biết hội trước Kiều Bích thực khá. Sau ngày để đưa con đầu lòng, đào ngũ, người đàn bà này sa sút hẳn. Từ đó tuy không bỏ hẳn đây, nhưng rất ít ai hiểu người đàn bà này sống ra sao. Dần không cần biết những chuyện đó. Trước Dần chỉ có người đàn bà có thể là còn trẻ, dịu dàng ngấm ngấm thôi thúc Dần bằng một ước muốn lạ. Dần thích thú về thuần hậu đáng nghi hoặc của người đàn bà. Đêm nay, chắc Dần sẽ nắm lấy bàn tay đen đui. Dần sẽ tuốt ống tay áo nâng lên cao để coi lớp da thịt thực tình bên trong.

Dần lặp lại:

"Chị ấy là vợ người bạn thân của tôi, không có gì phiền".

Đồng hồ trên cổ tay Kiều Bích chỉ gần mười giờ. Dần thả chuỗi hột xuống ngực người đàn bà, đứng dậy thay quần áo. Kiều Bích tránh thực giới. Chuỗi hột vừa diu khuôn mặt nàng lại gần mặt Dần, nàng chợt kêu tới tên người bạn gái cũ, cái hẹn.

Con đường tới nhà người bạn vắng và bụi. Bóng Kiều Bích gầy trên mặt đường đất nom đẹp như dáng một nữ sinh của nét vẽ Duy Liêm. Hai người đi như một cặp vợ chồng. Một đám thí sinh lòng đánh giám thị ủa từ ngoài phố vào tản mát chạy trốn. Dần thấy nhẹ người giữa gió. Dần hỏi người đàn bà đào ngũ có biết những con ve sầu? Kiều Bích tả sai hết. Dần đành nói về Thắng và tỏ ý tiếc đã không có nàng chụp hình lúc hấn sắp đi. Khẩu Colt 12 của hấn đổi được chiếc canon và hai chục đôn. Buổi sáng hấn đi, hấn đánh thức Dần dậy thật sớm. Hai người quanh quần trước sân chụp lẫn cho nhau hết cuộn phim vẫn ngờ ngợ không được một tấm ra hồn. Người đàn bà hỏi:

"Ảnh có nói gì tới em không?"

Dần cười:

"Có. Anh ấy lặp lại những lời Kiều Bích kêu tôi lộn xộn".

"Ảnh bày đặt".

Kiều Bích nói tiếp:

"Ảnh coi em như em gái, đối với em hết sức tự nhiên. Bữa ảnh bắt vận đồ của ảnh cho khỏi nhàu áo dài, em mắc cỡ muốn chết".

Dần không rõ chủ đích câu nói của người đàn bà. Cô ta luẩn quẩn che đậy một cách vô ích như một loài gặm nhấm cảm lá phủ lên người. Những ngày tháng của cô ta thì bữa bộn trong trí nhớ nhiều e ngại vì tội đào ngũ. Nhưng cách ăn nói thì đơn giản như một cố gắng thu gọn trước mắt người khác. Cô ta có một đời sống bình thường, rõ rệt, có thể nói cho người khác nghe. Cô ta muốn Dần, có khi cả cô ta, hình dung những lời thêu dệt đó. Cô muốn mượn một đời của người khác để trở lại với mọi người. Cô như không còn gì, có gì, kể cả những trang tiểu thuyết của Mai Thảo. Dần cũng chẳng hơn gì. Tấm vé số mua cho Thực, bãi Trời Trống, gã học trò la bai bai, Yên, Lan, bàn tay người y tá, những cái vỏ trứng úp đầu đám lá dứa, ước muốn tuốt ống tay áo Kiều Bích... không ăn nhập gì tới nhau nhưng như có sự hoà hợp liên tục tốt đẹp tạo nên Dần bây giờ với những bước chân chắc chắn bên một người như vợ mình mới cưới. Buổi chiều như một cuộc chạy đuổi vô cớ. Dần như không nhập vào đời sống. Dần sống phút này với một bàn tay của người không ngờ Dần để ý tới, phút khác với vài đóm confetti màu trên một góc bánh flan. Dần nói chuyện với những vật vô tri như từ trước vẫn sống luẩn quẩn bên gian phòng di Phong vắng mặt.

"Giá bây giờ tôi xin cưới Kiều Bích có cho là tôi nói giỡn?"

Dần hỏi đột ngột. Kiều Bích né xa dần, lùi lại, kêu nhỏ:

"Anh ăn nói kỳ cục".

Dần bước chậm chờ người đàn bà:

"Đó là tôi thí dụ".

"Thí dụ gì mà nghe nhột nhột..."

Tiếng cười hai người nhỏ nhưng thực rõ giọng thẹn thùng của người đàn bà. Dần nghĩ lúc vuốt ngực ống tay áo người đàn bà chẳng còn bao lâu.

"Cùng vô với anh, chị Hiên cười chết".

Kiều Bích nói lúc vào ngõ nhà người bạn, Dần yên lặng đi trước dẫn lối. Ngõ hẹp và tối. Trăng khuất trên những mái nhà cao cổ kính. Người đàn bà dường như kêu lên những tiếng nhỏ và chân vẫn bước. Cô ta có vẻ muốn được dỗ dành.

Người bạn Dần đi trực đêm. Hiên còn thức, tỏ vẻ mừng rỡ nhận ra Kiều Bích. Hai người đàn bà làm ồn mấy đứa nhỏ ngủ trong mừng. Họ phải dỗ cho chúng ngủ lại rồi nhỏ giọng rủ nhau ra mãi giữa sân, kê ghế ngồi nói chuyện. Dần nằm trên cái võng dưới hiên, hút thuốc. Khi nào cưới Thực chắc Dần cũng dẫn vợ tới nhà các bạn. Nhưng Thực chắc ít nói hơn. Trong sân khuất gió không bụi, trăng có vẻ sáng. Dần lấy trong túi mấy mẫu vải áo dài Thực gởi ra tản mẩn coi lại màu. Bữa đó, chờ Thực về tới công, Thực bảo: "Anh cho em coi lại cái sổ của anh". Dần lục túi, đưa cho Thực. Thực chập hai tấm vé số xé vụn vứt lá tả rồi chạy vào nhà. Bức thư đầu, gửi về, Dần trách: "Như vậy chẳng bao giờ chúng mình giàu".

Hai người đàn bà ngồi giữa sân nom nhỏ nhắn. Có lúc chợt để ý, Dần nghe thì cười như con nít, kể

thì nói những lời khó hiểu. Họ nhỏ giọng những lúc chợt quay vào nhà, nơi có Dần và mấy đứa trẻ con ngủ yên. Dần biết họ nói chuyện hồi còn nhỏ, muốn nghe thử nhưng ít chú ý được lâu. Vào lúc họ đăm nhau thùm thụp và cười sặc sụa thì phía ngoài đường có tiếng người kêu cháy ở chợ. Phía đó hừng đỏ.

"Cháy ở chợ, anh Dần?"

Một người đàn bà vọng vào:

"Chắc vậy".

Dần nói. Hai người đàn bà nín thình một lát rồi nhỏ giọng với những tiếng khúc khích không kim được. Dần nhớ tới đám cháy có đứa nhỏ bị đốt đen thui cách đây không lâu. Lúc lửa ở mấy thùng dầu bít lối vào cửa, nó nắm lấy mấy cái chân song ở cửa sổ nhảy như chơi chơi. Nó được xách ra để cạnh bờ giếng, nằm sấp mặt, chân tay co quắp như chực bơi. Bữa đó, về nhà tắm rửa xong, Dần bệnh trở lại. Sau này, có đêm Dần chợt mơ thấy nó như chợt mơ thấy tên Reita Faria. Nó đen đui và đảo qua đảo lại nhảy nhót sau những chân song. Nhìn phía trời nín thình đỏ ửng thấy lửa có vẻ lớn mạnh, Dần coi đồng hồ, kiên nhẫn để hai người đàn bà nói chuyện, coi lại mấy mẫu vải và nhớ lại đứa nhỏ. Gần hai giờ đồng hồ, Dần không hề nghĩ cách để ngủ với Kiều Bích đêm nay. Kiều Bích bên Dần bỗng trở thành một điều hết sức tự nhiên, không cần phải lo tính. Người này cảm thấy người kia ở bên cạnh, yên lòng, nghĩ tới những chuyện tận đâu.

Ở nhà người bạn về, trời đã khuya, dọc đường có những chiếc xe ba bánh chở hàng ở chợ về nhà. Người ta nói thiệt hại lớn. Bọn cướp đồ dữ hơn cả lửa. Có người chạy hàng ra ngoài gặp cướp lại ôm cả đồng vải vút vào lửa. Những xương cốt lâu ngày dưới nền chợ đã tới lúc gây tai họa. Người đàn bà kêu thấy sợ hãi vẫn vợ. Hai người đi trong một không khí hư hư thực thực như nhìn từ một con bệnh vừa khỏi. Tới một bụi tre khuất trăng, Kiều Bích bỗng dừng lại giục Dần đi trước. Dần hỏi, Kiều Bích chỉ nói:

"Em sợ".

Dần nắm tay Kiều Bích:

"Có tôi, sợ gì".

Kiều Bích vội giật tay lùi lại:

"Anh để em đi tự nhiên".

"Sợ thì chỉ còn nước ngồi thụp xuống, đi làm sao được mà nói tự nhiên".

Dần nắm chặt hơn cái cổ tay vùng vẫy; trừ mảnh vải trắng của quần áo người đàn bà, Dần không còn nom rõ chút gì nơi Kiều Bích. Nhưng cái cổ tay cô ta bỗng đột ngột làm thức các giác quan. Dần như đang giằng co với thằng nhỏ đen đui nhảy nhót sau những chân song sắt. Lòng bàn tay Dần bị thúc lia lia bằng các đầu xương khô. Dần thả cổ tay Kiều Bích, thở nhẹ nhõm như bắt chước hơi thở của cô ta trước mặt. Cô ta kêu:

"Anh thực kỳ".

Dần cười thành tiếng để khỏi phải hút một điếu thuốc.

"Thôi về".

Dần giục và bước đi. Dần muốn nghĩ dông dài chút ít để khỏi dừng lại ý nghĩ mình chưa được khoẻ sau lúc bơi vôi lòng bàn tay. Nghĩ tiếp chắc lại có cảm giác lúc nắm lấy bàn tay người thầy chích đứng trên hiên. Dần nghĩ về Thục, về những mẫu vải. Dần nghĩ về những bàn tay mình không thể đón lấy một cách bình thường. Dần cũng nghĩ những người con gái, đàn bà Dần đòi cưới như một trò đùa bậy bạ. Dần chợt nhớ tới người chú họ ăn chay lâu ngày gửi thịt bò là nôn ọe. Lần đầu khám phá ra điều này chú ấy ngân ngơ nhìn vợ con và mớ thực phẩm hằng ngày. Không lẽ Dần cũng có chỗ giống chú. Mọi người quanh Dần đâu chỉ có mùi thịt và xương. Trí nhớ Dần đâu chỉ có thằng nhỏ đó. Giác ngủ Dần đâu có thể mơ mãi thấy cái tên Ấn Độ Reita Faria. Nhưng tới giờ, Dần vẫn sống quanh quẩn với mấy thứ đó. Người đàn bà đảo ngũ như không còn xác thịt, chỉ còn những lời nói dối. Đứa nhỏ vẫn dẫn đường cho mọi liên tưởng. Và Reita Faria với những miếng phù hiệu bằng kim khí nhọn trên đầu không gợi nhớ tới những binh chủng Mỹ cô ta gặp trên các vùng đất đỏ bộ mà như một điều chắc chắn sẽ gặp lại ở mỗi cái chợ mắt. Dần sao rồi đây?

"Kiều Bích, Kiều Bích, ra phố uống nước nhân tiện coi chợ cháy một thể?"

"Em sợ".

Tiếng người đàn bà sau lưng thực yếu trong lớp cát gió vừa cuốn ào tới. Dần ra khỏi rặng tre, quay

lại chờ. Giữa những luồng bụi mù mịt, người đàn bà một tay lấy vạt áo trắng che mặt, một tay như quờ quạng tìm cách lại bên Dần. Dần đứng im cứng nhắc, cảm giác thực rõ từng lớp đất cát đang bồi quanh da thịt, bít kín tai, mũi, biến mình thành một pho tượng đất ngấm trắng. Có hồi di Phong làm thơ:

Trời đang vào thu
Pho tượng đứng đó

Chờ cơn mưa bụi

Những chiếc lá vàng...

Chợ cháy nên coi như không có giờ giới nghiêm. Các quán ăn, tiệm nước để cửa muôn. Đường phố đầy người dạo chơi. Về khuya khoắt ở các ngõ ngách không còn lúc hai người ra tới vùng ánh sáng quanh chợ. Họ vào một tiệm có nhiều nhạc cũ và rải rác những thí sinh uống-cà-phê-suy-tu. Kiều Bích tự dung nhận uống "33" với Dần. Cô ta nói thêm:

"Nhưng uống bằng ly, có nhiều đá chớ không tu chai".

"Ăn chút gì để ngủ cho no bụng?"

Dần hỏi. Thấy đói, Kiều Bích bảo Kiều Bích muốn ăn, sợ nặng bụng, mơ nhiều. Dần kêu phần ăn riêng mình rồi lơ đãng nghe nhạc, hút thuốc nhìn Kiều Bích vớt đá trong ly la-de đưa mình chùi mặt. Lúc đưa bồi bàn kéo cánh cửa sắt, hai người mới trở ra. Phố đã vắng thực sự. Kiều Bích lại kêu sợ lúc qua chợ nghe có tiếng đàn bà khóc khuya.

Dần đưa tay ra vu vơ, lần này Kiều Bích để yên. Có thể cô ta đã mệt không muốn kéo dài thêm với Dần ảo tưởng về mình. Có thể trời đã khuya, uống đã ngây ngất, cô ta lại muốn trở về đời sống hỗn độn cố muốn quên đi của mình. Cô vẫn thực ngoan lúc Dần ve vuốt, dìu về nhà. Đường rộng thênh thang, hai người đi thực chậm. Dần thấy cái rùng mình cực nóng của người đàn bà trong vòng tay lúc đột ngột có tiếng chó sủa. Trước mặt họ, một người lính cao lồng không vai đeo súng, ôm cái mền trước bụng, quay lại đạp chân thỉnh thoảng dậm dọa con chó dai dẳng sủa cắn phía sau. Trăng sáng chênh chéch, Dần muốn nhớ thêm ít câu thơ của di Phong mà không được.

Tới lùm cây trước nhà rào rào như chở bão, Dần dừng lại ôm sát lấy người đàn bà. Người đàn bà lúng túng điều gì, lùi lại yếu ớt. Bóng những cành cây loáng qua quật qua quật lại, cô ta như nép trong một bóng tối yên ổn. Dần nắm cổ tay cô ta như giỡn, Dần kéo cao ống áo. Cô ta cười gượng gạo khó hiểu. Dần trở về phía cổng nói nhỏ:

"Cổng khép, bà ngoại chắc đã về ngủ".

Hai người nín lặng lách qua cổng. Dần mở cửa đưa Kiều Bích vào phòng. Phòng tối mò, Dần kiểm một lát mới ra chỗ bật điện. Dần lấy quần áo mát của mình đưa cho Kiều Bích bảo thay cho khỏi nhàu áo dài. Kiều Bích ngồi ở mép giường đón lấy mới quần áo nhưng không nhúc nhích.

"Sao thế?"

Dần hỏi, thấy mình ngớ ngẩn như ước muốn được vuốt cao ống tay áo người đàn bà.

"Anh tắt đèn, ra ngoài cho em thay đồ".

Kiều Bích nhỏ nhẹ. Dần làm theo, trở ra hiên trước. Hoa lài tây rụng nhiều trên lối đi. Những chiếc vỏ trứng úp trên cây dứa lăn long lóc trên mặt sân đất. Dần vòng ra phía những chum nước rửa mặt.

"Dần-em về rồi đó à?"

Tiếng bà ngoại Dần hỏi ở sau nhà. Dần "Dạ" rồi vục đầu vào chiếc chậu. Thấy mát mẻ, Dần sẵn đà vào phòng tắm xối nước ào ào. Lúc trở ra, Dần vòng về phía sau nhà, miệng huýt sáo bắt chước người bạn. Bà ngoại Dần nằm ở trên hiên bên những nén hương đuôi muỗi cắm trong cái lon sữa bỏ cát. Dần đẩy xích cái lon có những đầu than đỏ rung rung, ngồi xuống cạnh bà.

"Đi đâu mà về muộn thế?"

Bà hỏi.

"Cháu lại nhà người bạn".

Hiên sau khuất gió, Dần bỗng thấy khoẻ khoắn dễ chịu.

"Có ghé lại chợ không? Đời bà chưa bao giờ cảm thấy đám cháy lớn như vậy".

"Cháu có đi qua".

Dần nói và nghĩ chắc người đàn bà đã thay xong quần áo và đã nằm nghỉ. Dần cầm lại mấy que hương đỏ nghiêng, bắt gặp bà ngoại đang ngắm nghía những đóm than đỏ. Bà bảo Dần:

"Bà ao ước được ăn một đám giỗ có đủ mặt mấy anh em con như hồi còn ở ngoài đó".

Dần bật cười:

"Mẹ cháu vẫn bảo anh em cháu không một ai cấm được nắm hương nên thân".

Bà cụ cũng bật cười:

"Cô ấy đầu đã hai thứ tóc rồi còn ư nói ngoa".

Dần châm một điếu thuốc, tựa cột nhìn về phía căn phòng di Phong. "Trời đang vào thu, pho tượng đứng đó, chờ cơn mưa bụi, những chiếc lá vàng..." Dần ngâm nga như giọng bà ngoại vẫn ngâm Lục Vân Tiên. Lúc này Dần đã hiểu tại sao Thắng mau chán người đàn bà. Vẻ đen đui của cô ta như len đến tận những chân tóc. Da thịt cô ta quả thực sa sút, tới độ mềm nhẽo, cô ta chẳng còn gì.

"Thôi, cháu đi ngủ trước".

Dần nói, dời khỏi mái hiên, vòng về trước nhà. Những chiếc vỏ trứng vẫn lẩn long lóc trên sân. Căn phòng Dần vẫn tối om. Dần gõ nhẹ cửa như chẳng thể chán ghét đứa nhỏ đen đui trong trí nhớ và Reita Faria trong giấc ngủ sắp tới. Dần nghĩ sẽ ôm người đàn bà trong lòng suốt đêm dù mắt có mở lớn vì những lùm cây reo ào ào như chở bão quanh nhà.

Sau ngày Dần-anh chết ít lâu, Dần lại trở ra ở với bà ngoại ít ngày. Trước khi nhập ngũ Dần tự dung muốn đi xa một chuyến. Dần nghĩ tới căn nhà bà ngoại và những năm hai anh em Dần học ở đó. Trong số bảy anh em, ngoài Dần, Dần-anh cũng có nhiều liên lạc với đám bà con bên ngoại Dần và Dần-anh coi nhà bà ngoại như một chỗ ở thứ hai. Dần-anh chết, Dần tự dung hết còn muốn ở nhà. Dần nói mình ít sức chịu đựng. Nhất là hồi này ở nhà đang mùa mưa, không đi được tới đâu. Những buổi sáng dậy muộn, mẹ và hai em gái không còn ở nhà, Dần thường bày cờ giải một mình. Buổi chiều thì bắt đầu mưa và thường thường kéo luôn tới khuya hoặc sáng hôm sau. Dần tập đánh bài với chú Bách nhưng cũng mau nản. Chú Bách là cư sĩ, hồi này lại tuyệt ngôn nên Dần rất dễ buồn ngủ khi ngồi với chú. Dần thường chờ những bữa cơm chiều ngồi uống với mẹ ít ly rượu cảm trong lúc chờ con Hải đi học về hay chờ con Tấm choàng áo toí ra bãi cỏ trước nhà xua đàn ong loáng quáng chạy về chuồng. Những chiếc ghé thừa trước đây, dành riêng cho mấy người con trai đã không còn gọi được chuyện hợp mặt. Chúng yên lặng như một vài điều mẹ Dần có thể nhờ nhất định về mỗi người. Những ồn ào làm nên đời sống anh em Dần đã thực sự tàn mát. Những âm thanh Dần-anh mang theo cũng đã tắt ngấm sau một tiếng nổ. Dần đi sau hôm ông lão thầy tướng tới từ biệt mẹ Dần để xuống đò về một tỉnh miền ngoài. Mẹ Dần có những câu mờ hồ như gởi gắm những chuyến đi của Dần sắp tới cho ông. Dần thấy tội cho mẹ, chỉ cười. Ông lão thầy tướng đã quá già. Đi phải chống gậy và có đứa cháu kèm bên. Hồi sinh Dần-anh và Dần, mẹ Dần kể lại, có mời ông lão tới. Giờ nghe lặp lại. Ông lão thều thào: "Từ đó tới giờ, tôi ăn trộm tuổi trời". Ông lão đã thay cho Dần để đặt ra hai cái tên Dần-anh, Dần-em. Mẹ Dần nói hôm đặt tên, chẳng có gì đãi ông. Chỉ có mấy miếng đậu nướng và một con chuột cho ông nhắm rượu. Ngay từ hồi đó ông đã già lắm. râu ông chạm ngực. Ông khom gập lưng xuống mâm rượu, vén râu, cầm đậu, cầm chuột bón vào miệng. Từ hôm Dần-anh chết, mấy lần gặp ông, thấy ông ngấm nghĩa mình, Dần chắc ông muốn hình dung mặt mũi Dần-anh. Mẹ Dần ở nhà khóc nhiều ngày mất sung đỏ. Ông tới an ủi thường ngồi lại cả buổi. Dần bỏ đi chơi có khi về gần tới nhà vẫn nghe tiếng mẹ Dần ám ức lớn tiếng tiếp chuyện khách. Như lời làm nhảm một mình. "Dạ, tôi nhớ. Bà ấy độc địa quá quắt. Không có cụ tới cúng, biết bao giờ trời mới cho bà ấy nhắm mắt". "Một năm mà bốc được hai mươi một ngôi mộ cũng là giỏi lắm rồi. Cụ còn nhớ cái đám ông Hào? Bữa đó đi nhật xương về, cụ dựa vào cây cột lim vừa kể cho tôi nghe vừa véo xôi ăn cụ còn nhớ không? Cụ nói cốt ông ấy thực tốt. Đây ấp một cái tiểu sành, đồ đòng đọc". Mẹ Dần như đang vuốt ve những cái tiểu sành chứa xương cốt liệu bà có thấy được gần gũi Dần-anh thêm chút nào? Sau hôm ông lão trở ra miền ngoài, Dần dẫn con Hải, em Tấm đi may mỗi đứa một cái áo soie Thái Lan rồi sửa soạn hành lý. Buổi tối gặp Thục ở cầu thang lên sân thượng nhà nàng, Dần giải thích:

"Không phải anh ưa lang bang. Xa Thục anh thật buồn".

Đã hết mùa hè, trời ít còn nóng nhưng khu trường Dần đi qua hàng ngày vẫn chưa có học trò. Dần ra tới nhà bà ngoại thì nhận được thư của Dần-anh. Bức thư để trong cái hộp tủ của cậu Dư trước kia. Dần mở thư ra thấy Dần-anh nhờ mình chuyển cho con nhỏ láng giềng bà ngoại mấy tấm hình hấn chụp lúc ra trường. Dần đưa bà ngoại coi, bà cụ bảo:

"Nhờ có chính phủ đánh dấu nó, bằng không ai mà phân biệt được hai đứa mày".

Dần vút mấy tấm hình vào học tủ, nghĩ đưa cho con nhỏ lúc này thực vô ích. Hồi còn sống, còn ở ngoài này, đã nhiều lần hấn xiêu lòng muốn trốn đi với con bé. Cậu Hiền gọi mắng, hấn cười bảo con nhỏ đó quyến rũ chứ hấn thì không có lòng dạ nào. Thấy hấn rắc rối, Dần cũng bảo hấn: "Con gái người ta nuôi nâng mười lăm, mười sáu năm, giờ bỗng chốc chạy tới xúi nó đi trốn, mất dạy hết chỗ". Dần-anh dở giọng tâm sự: "Tao đâu có ý đó. Chùng nào gặp được người như dì Phong tao mới phải tính". Hôm nghe tin Dần-anh chết, con bé bỏ đi đâu mất một hôm. Nó nằng nặc đòi Dần cho theo về đưa đám, Dần nổi giận nó mới chịu im. Thấy Dần trở ra, nó mừng rỡ không nén nổi. Có con bé xinh xắn như nó ngồi nói chuyện cho bớt thì giờ, Dần cũng đỡ chán. Dần bảo:

"Đừng nói chuyện Dần-anh nữa".

Nó nói:

"Không nói chuyện ảnh, biết nói chuyện ai bây giờ?"

Dần trở mình:

"Nói chuyện tôi đây. Khởi bệnh rồi, tôi cũng đi lính nữa".

Buổi tối xuống ngôi nhà cậu Hiền ăn bánh bèo, Dần rủ con bé cùng đi, nó từ chối. Cậu Hiền bảo Dần: "Qua cái tang thằng Dần-anh, mày cũng nên lấy vợ thì vừa. Đùa dai mãi có hồi ế vợ". Dần cũng trả lời, giọng đùa: "Cháu cũng định vậy. Nhưng nói ra trước khi cậu nói, sợ cậu nghi". Câu chuyện lấy vợ thành một điều để mọi người nói vui suốt tối hôm đó trên mảnh sân thượng mọc những tảng rêu đã khô. Cậu Hiền khoe với bà ngoại có trà Hồng Kông. Dần uống mấy bình liền. Lúc hai bà cháu mò mẫm bước xuống cái cầu thang tối thui, khuất trăng, Dần mới thấy nặng bụng. Đã lách ra ngoài cái cửa sắt ở mặt hàng dưới nhà, Dần còn đem chuyện lấy vợ ra trêu bà ngoại. Về nhà, hai bà cháu vừa lượm những chiếc vỏ trứng lăn dưới sân phát sinh trở lại các đầu lá cây dừa làm cảnh vừa bàn về một người con gái Dần mới bày đặt trong trí.

"Lấy vợ đi rồi bà cho cái nhà lấy chỗ mà ở".

Bà cụ nói. Khi đưa bà về phòng, bật đèn cho bà, quay trở ra Dần ngẫm nghĩ rồi bảo:

"Cháu tính đi lính rồi mới cưới vợ".

Dần trở về phòng mình, nghe bà thở dài và tên dì Phong sau lưng. Mỗi lần nghe Dần có dự tính bà vẫn có thói quen nhắc tới dì Phong. Bà gọi dì và Dần, bọn lười biếng chúng mày. Dần thực tình không hiểu. Vì dì Phong trước sau vẫn khó hiểu đối với Dần. Dì sống hiểu thảo và uể oải với riêng mình. Lòng hiểu thảo và tính uể oải thì không bao giờ để một người con gái như dì phải đột ngột xa nhà, phải bỏ cuốn tiểu thuyết của Mai Thảo đang đọc dở dang. Trước sau, dì vẫn không là người có nhiều chuyện đáng nhớ. Những điều giúp dì có dịp để nói nhiều một chút quanh quẩn là những điều nói về cậu Dur. Cậu ấy chết rồi thì những tin mới nhất về cậu là mấy cái học tử đầy nhóc thư từ của bạn bè cậu, bỏ xuống bếp để dì Phong mỗi lửa và có cái mà đọc những bữa nấu cơm.

Bà ngoại Dần đã đi ngủ. Con bé lảng giềng vẫn ngồi nói chuyện.

"Từ hồi anh Dần-anh chết, tôi muốn được nói chuyện tối ngày. May mà anh ra chơi... Con bé bỏ lưng nhìn Dần. Dần nhìn thân thể xinh xắn hết lớn thêm của nó nghĩ không biết đang nghe một người lớn hay một đứa trẻ con. Con bé cười, nói tiếp. Nó nhắc lại chuyện tình của nó với Dần-anh. Đây là lần đầu nó nói chuyện đó với Dần. Nó muốn sống lại những kỷ niệm vặt. Dần nhớ những lần nó nôn nả chờ đi trốn với Dần-anh. Nó con nít khi ngỡ lấy chồng là một cuộc đi chơi xa với ít nhiều hồi hộp. Nhưng nó thực đàn bà khi liễu lĩnh hỏi thúc Dần-anh bất kể đêm ngày. Dần-anh vừa thương vừa sợ nó. Đã có hồi hấn không dám quyết mình hay nó, ai lớn ai trẻ con. Dần bảo hấn: "Cả hai đều con nít hơn". Dần-anh nổi giận: "Mày không yêu con Thục sao mà dám lên mặt chê tui tao con nít?"

"Khuya rồi đó, về đi".

Dần bảo con bé lúc bắt đầu nản.

"Giờ mà đã khuya".

Con bé nói, nhìn Dần, ngạc nhiên.

"Không khuya nhưng nói mãi chuyện Dần-anh nghe nản lắm".

Con bé thực sự im lặng. Người nó thu nhỏ, Dần an ủi:

"Không phải tôi ghét chuyện của hấn..."

"Ai nói anh ghét Dần-anh".

Con bé nói. Và chợt kêu trong hình dạng thu nhỏ của nó.

"Nhưng sao anh không muốn nghe? Anh Dần-anh đâu có vậy".

Dần bực mình:

"Tôi không là Dần-anh".

Con bé đứng dậy, nhìn Dần rồi cúi đầu bước ra cửa:

"Tôi về nghe anh Dần".

Giọng nó nhỏ trở lại, nghe buồn bã.

Dần vận quần áo ra phố. Trời úa, mặt trăng mỏng non choẹt muốn mưa. Những ngày khô sắp qua. Dần nhớ những cơn mưa nhỏ đầu mùa ở đây. những đêm những ngày gió nam lốc bụi sắp hết. Ngày tháng thành một thứ trang trí bó buộc vô ích. Dần nhớ Thục như mọi lần vừa xa thành phố. Kỳ này

về, buổi tối đứng ở cầu thang lên sân thượng nom Thục ôm đi nhưng đẹp ra. Thục cười bảo: "Có nhiều đứa nhỏ mười sáu, mười bảy đã lấy vợ lấy chồng. Bọn mình thì vợ vẫn mãi, chẳng ai biết lo". Dàn đùa: "Anh thì có hai tên Dàn mà vẫn chưa nên cái hình dạng gì". Thục kêu: "Anh đùa nghe gớm chết. Đừng nhận vợ nữa, để Dàn-anh được yên". Dàn-anh đã thực sự không bị quấy rối. Nhưng hấn mắt, Dàn vẫn thấy ở đâu đó, trong tiết nào đó, vẫn còn những người mặt mũi hết mình, Dàn nhớ tới những người anh còn lại. Những người đó chỉ muốn Dàn và Thục cưới nhau cho xong. Dàn viết những thư mù mờ trả lời: "Tụi tôi còn yêu nhau thì cưới nhau thế quái nào được".

Dàn vào một tiệm nước, tiệm nước đó, trong đêm gió to hôm nào Dàn vào với người đàn bà mang tên giả. Một quân nhân thấy Dàn hỏi lớn:

"Ra đây hỏi nào đó?"

Dàn đưa tay bắt, ngồi xuống bàn anh ta.

"Uống gì?"

"Soda chanh, về ngủ cho tiêu".

Dàn đón điều thuốc anh ta mời, cười hỏi:

"Giờ đóng ở đâu?"

"Cách quận Biên Xuân ba chục cây".

"Ngán không?"

"Giờ thì quen rồi. Lúc đầu, nghe súng là ia đáí đầy quần".

Hấn hỏi Dàn:

"Lấy vợ chưa?"

"Vợ đâu mà lấy".

"Lông bông hoài vậy sao?"

Dàn gật, thấy ngưng như vừa làm dáng. Người lính than phiền vài điều vặt vãnh, dài dòng. Dàn yên lặng nghe, cố nhớ xem đã gặp anh ta ở đâu.

"Đ.m., nhiều lúc chỉ muốn giết hết. Ê, uống thêm băm ba, con trai gì mà yếu thế?" Dàn bảo uống thêm cũng chẳng sao. Người lính đã có vẻ ngất ngư, mỗi lúc thêm ít nói. Thịnh thoảng như nhớ có Dàn trước mặt, anh ta ngừng lên nhìn chằm chằm rồi cười vu vơ hoặc đột ngột hỏi Dàn một câu tục tĩu về trai gái. Lúc ra khỏi quán, Dàn hỏi:

"Còn ở đây lâu không?"

"Còn tụi".

"Tôi vẫn ở chỗ cũ".

Dàn nói mù mờ. Anh ta gật đầu:

"Ồ chỗ cũ... chỗ cũ là chỗ nào?"

Dàn tả sơ qua nhà mình. Anh ta cúi đầu nghe nặng nhọc.

"Ồ hiểu rồi. Lúc nào rảnh sẽ ghé chơi".

Anh ta nhảy lên một chiếc xích lô sau cái siết tay thực mạnh...

"Thôi... bai bai..."

Dàn ghé vào nhà cậu Hiền kêu bọn nhỏ mở cửa lên sân thượng xin cậu uống trà. Hai cậu cháu ngồi giữa chiếc ghé bó căng mừng ồn những tiếng ngáy. Dàn ngại về vào lúc có cảm tưởng con nhỏ lảng giềng chưa đi ngủ. Đã hai lần nó ở lùm cây trước cổng chạy ra quần quít hỏi Dàn sao về khuya vậy? Nếu còn Dàn-anh để nói về nó, chắc hấn lại kêu nó quá cô đơn. Mặt trăng như ở cuối con đường rộng vắng người dưới kia, sau dãy đèn néon trắng xanh, Dàn cố nhớ xem đã gặp người lính ở đâu vẫn không nhớ nổi. Hay anh ta đã lộn Dàn với Dàn-anh? Có lẽ vậy. Dàn phỏng đoán để khỏi phải nghĩ tiếp. Dù quen anh ta hay không, câu chuyện cũng chỉ có bấy nhiêu. Ở trong một cửa tiệm, một bên xe, một phòng hội... cùng lúc, có thể có nhiều người cùng nói tay đôi, tay ba cùng một câu chuyện đó. Dàn muốn giờ này ngồi với Thục trên cái sân thượng cao ngất đó. Dù chỉ im lặng, dù chỉ nói những câu có thể nói với bất cứ ai như với người lính vừa rồi.

Dàn trở về, cậu Hiền tự mình xuống dưới nhà mở cửa. Tối ngủ, Dàn tự dung, nhìn ngay về phía lùm cây trước cổng. Thấy có bóng con bé nhô ra. Nhưng lần này nó có vẻ lẩn lút và chạy ngay về nhà nó. Dàn không hiểu nổi nó nữa dù vừa nghe những mẩu chuyện tục tĩu của người lính. Dù có nhớ tới Dàn-anh mà nói nó quá cô đơn.

Dàn trở ra chỗ để những cái chum múc nước rửa mặt. Trời kín mây. Mờ mờ trước thềm nhà bên kia,

con bé đang ngồi tựa cột nghêu ngao hát. Bóng tối đậm dần trên mảnh sân nhà nó. Nó hát nhưng mặt hát cao, như nhìn trời, như đang có một mảnh trời trăng sao trong đầu, như không còn ai để rủ đi trốn.

Dần vục đầu vào thau nước, muốn không có hình ảnh nào về nó. Từ đêm giầu người đàn bà mang tên giả trong nhà, Dần thực sự thấy trí tưởng mình bỏ không. Đời sống thường ngày như hết còn kêu gọi hợp lý. Chiến tranh như không còn gọi cảnh bom đạn, kẻ thù không còn gọi những sắc diện dã man... Dần chỉ còn những hình ảnh dị kỳ tràn ngập, kết hợp với nhau một cách vô lối. Hôm đó, người đàn bà lấy ngón tay trở đen đuôi trở vào trang sách di Phong đánh dấu bằng mụn vải vàng, làm bộ e thẹn nói: "Em cũng thích tiểu thuyết ông Mai Thảo". Trang sách, mụn vải giờ đâu có còn gọi riêng di Phong những lúc ngừng đọc, lại trước gương bầu dục, cột lại tóc, đi sửa soạn bữa ăn? Khuôn mặt âm thầm, mê mải của di lúc nằm đọc giờ hiện cùng lúc với mấy lông tay trở đen đuôi ở từng trang sách.

Dần vào nhà, vừa bật đèn đã thấy con nhỏ bước sang.

"Chắc anh phiền tôi lắm?"

Nó hỏi, muốn ẩn bóng vào những hàng cột.

"Xin lỗi anh".

Nó xúc động. Dần lại gần nó thấy nó chỉ bằng con Hài ở nhà.

"Cô rắc rối lắm".

Dần như nói với em mình. Con nhỏ ngồi xuống mép ghế, có dáng e sợ.

"Tôi biết làm phiền anh nhưng cũng không biết cách nào hơn, anh bỏ lỗi cho. Thương anh Dần-anh thực tình nhưng má tôi, mọi người chẳng ai chịu tin. Má tôi nói tôi còn nhỏ, nay khác mai, mai khác một, chớ có thương liều. Tôi thì biết tôi thương anh như hết còn ai khác để thương. Tôi khôn lớn là vì thương anh, anh tin tôi đi".

Dần ngắt ngang:

"Giờ Dần-anh chết rồi, nói lại làm gì".

Con nhỏ bối rối, giọng cố gắng:

"Anh có nhìn mặt anh lúc cuối không?"

"Hắn chết thực rồi".

Dần nói ngô nghê và hoang mang như muốn ối. Dần lấy một điều thuốc châm hút. Con nhỏ trước mặt như thực sáng suốt, thực tình như ở một thế giới nào khác. Nó như một người đồng bóng. Dần ái ngại:

"Dần-anh chết thực rồi, cô tin chứ?"

Nó gật:

"Tin. Có tin tôi mới bỏ đi một ngày. Lúc đó tôi nghĩ anh Dần-anh cũng đi lính như mọi người. Nhưng từ bữa anh ra, tôi thấy có điều khác. Ở nhà tôi nhìn sang, thấy anh đi ra đi vô, tôi nghĩ anh chưa chết. Tôi buồn như bị phụ tình".

Con nhỏ không có giọng cố tình. Dần có cảm giác nó gần gũi mình. Trang sách của di Phong và những lông tay đen đuôi bỏ đó. Dần giục nó về.

Lúc này tốt hơn hết là nghĩ đến lời má cô. Cô còn nhỏ, nay khác mai, mai khác... Nó oà lên khóc. Dần đứng yên vuốt nhẹ trên tóc nó. Ở những bụi cây dưới sân, bụi cuốn xoay tròn, bốc cao. Hai người như ở một thế giới mộng du.

*

Dần đời xứ này đột ngột như lúc tới. Ở đây Dần-anh không sống, không chết hẳn, nhưng không ngớt ám ảnh. Con nhỏ hàng xóm làm bực mình như tiếng than vãn hàng ngày của đám trai gái trong máy khâu thanh. Nhớ lại mấy câu thơ của di Phong, trước hôm đi, Dần cười bảo con nhỏ những ngày còn lại của mùa khô này là mùa thu. Những buổi sáng dậy muộn, trời cao và mát. Đi ăn sáng vào giờ mọi người đã ở trong sở làm. Gặp một vài người ngờ ngợ như người lính không rõ liên hệ bữa trước. Gió còn lớn lắm. Những cục đá, thanh sắt buộc lưng lẳng dưới những tấm màn che nắng trước các cửa tiệm thành những thứ đánh lén người đi trên vỉa hè. Con đường có nhiều tiệm ăn biến thành một con sông cát, màu vàng nhờ nhờ. Người cảnh binh chỉ đường trên các bụi tròn nhiều lúc

khom người, hai bàn tay bung mắt. Mấy cậu nhỏ chở từng tảng nước đá, nước rờn rờn phải nhảy khỏi xe đạp khom lưng đẩy ngược gió. Con nhỏ đưa Dần lên hăng hăng không, nói như với Dần-anh hỏi nào:

"Vô Thủ Đức anh nhớ viết thư về ngay".

Dần bảo nó:

"Nhưng nếu có trễ cũng đừng có trách, đừng chờ mất công".

Dần không muốn nói dối nó. Muốn nó sớm quên được mọi chuyện. Muốn quên nó. Muốn xa hẳn những người còn nhìn Dần như Dần-anh. Nhưng Dần biết mình không đi xa được. Dần đã thực sự thua kém di Phong. Sự vắng mặt của Dần có chằng chi để trống thêm một chiếc ghế thừa trong bữa cơm với mẹ, các em.

Dần về nhà, mẹ Dần mừng như đã lâu không gặp. Bà bảo Dần nói chuyện cho bà nghe. Dần nói qua loa. Bà ngoại vẫn vậy. Gia đình cậu Hiền vẫn vậy v.v. Dần nghĩ tới việc gặp Thục, rủ Thục đi sắm vài thứ và nếu buổi sáng không mưa sẽ đi thăm mộ Dần-anh. Chập tối, trời mưa, uống của mẹ mấy ly rượu cầm, Dần vào nhà sau nằm ngủ. Nằm trên giường, Dần thấy mỗi ê ảm. Gian phòng nhỏ, như của riêng con Tấm. Từ hồi đi hướng đạo, nó cứng cỏi như con trai. Một tủ thuốc nhỏ treo trên tường sơn quét vụng về. Một bó cọng sắt để làm sacoché với đôi giày nom nặng nề đặt trên một chiếc bàn thấp. Trên cái giá gỗ sát tường, mũ chóp nhọn, dây da, còi, hộp đồ thêu v.v. để gọn mắt. Một bức hình cỡ lớn treo ngay chỗ đầu giường có cảnh một đoàn hướng đạo bắc một cây cầu gỗ. Một câu khẩu hiệu ghép bằng các đoạn dây màu treo dọc theo sợi dây thép giữa phòng "ĐƯỜNG ĐI KHÓ, KHÔNG KHÓ VÌ NGĂN SÔNG, CÁCH NÚI...". Dần chớp mắt một lát, tỉnh dậy thấy đồng hồ trên bàn mới hơn tám giờ. Ngọn đèn được vặn nhỏ từ hồi nào. Con mưa đã tạnh. Dần kéo câu khẩu hiệu, sửa cho các chữ cách đều nhau rồi ra nhà ngoài. Mẹ Dần đang viết biên nhận cho những người chơi hội. Con Hai đang ủi quần áo, con Tấm đang cặm cùi sửa chiếc máy ra-dô. Ngồi nói chuyện với mẹ một lúc, Dần thay quần áo, đến nhà Thục. Ghé vào nhà người bạn mượn chiếc xe, Dần đi thẳng Sài Gòn. Trời tối thẫm, hơi nước lạnh. Qua vùng ánh sáng những phố lớn, Dần tới vùng xưởng máy tối thui nhà Thục. Thục xuống lưng chừng cầu thang thì gặp Dần. Hai người đứng đó nhìn xuống những khu phố phía dưới, nói chuyện. Thục bảo:

"Đừng nói chuyện Dần-anh nữa, anh".

Dần cười trong miệng:

"Thục không nói mau, anh đã rủ Thục đi thăm mộ hẳn".

Thục kêu:

"Đi thăm mộ Dần-anh?"

"Có đi ngay bây giờ đâu mà Thục phát hoảng lên thế".

"Ban ngày em cũng không đi. Em sợ thực tình rồi đó".

Dần hỏi ngớ ngẩn:

"Sợ gì?"

Thục quay đầu ra ngoài cầu thang nhìn xuống vùng tối phía dưới, giọng nói như giọng người mẹ ru con:

"Đừng nói tới Dần-anh nữa. Anh còn đó... thì đừng bao giờ nói tới Dần-anh nữa.

Khói trên mặt nước

Về sáng, lúc đàn ngỗng kêu dáo dác, Dần thấy mẹ và em gái đã dậy sửa soạn thùng để hứng nước mưa. Giấc ngủ trong gian buồng bừa bộn đồ dùng con nít của Tấm, yên ổn không mộng mị. Trời đổ mưa. Dần ra ngoài giúp con Tấm đổ nước vào phuy. Một vài trái sáng cuối đêm nom rõ dù trong cột khói, rải rác, tản mát. Bóng tối dày lại thực mau với cơn lạnh nhiều hơi nước trở vào, Dần hình dung căn nhà về sáng có Thục ướt át chuyển những thùng nước giúp mẹ. Chuông nhà thờ phía sông đổ hồi gọi con chiêm buổi sớm. Dần hỏi mẹ:

"Anh ấy đã có vợ con gì chưa?"

Mẹ Dần bật cười:

"Hỏi ngớ ngẩn như Mán xuống núi. Vợ nó là con Cả Sán chứ ai".

Dần đột ngột thấy trí nhớ rung động trong sự tìm quen mờ mịt. Những cái tên riêng như lời hương dẫn nửa chừng. Anh Tốt. Chỉ còn một cái tên đó soi rõ. Con Tấm ngồi thủ bọc trên giường bảo:

"Có những cái chum của bà ngoại ở đây thì thích quá.

Mẹ Dần hỏi như không định:

"Bà ngoại có hỏi gì về tin tức dì Phong?"

Dần lắc đầu:

"Không thấy bà nhắc tới. Trừ lúc bà bảo "Mày giống dì Phong mày". Con cũng giấu chuyện mẹ gặp dì ấy".

"Già rồi bà bắt đầu lẫn... Nói nói bữa nay về ăn giỗ Dần-anh mà không biết có thực không?"

Mẹ Dần cười không rõ rệt. Con Tấm vặn máy thu thanh nhỏ nghe buổi đọc truyện về sáng. Truyện Chung Vô Diệm với tiếng kèn hát bội réo rất bit kín thông cảm. Truyện đọc thực hay. Trong cảnh nửa tối nửa sáng, mẹ Dần có vẻ dạn dĩ trong ham thích nói về họ ngoại. Dần lười biếng để lòng mang về những đời sống không có ở đây. Giấc ngủ chưa dứt hẳn. Những điều nhớ về anh Tốt, những lời nghe mẹ nói mơ mơ như thoảng qua. Mẹ Dần tỏ ra ít khe khắt nghe bà ngoại nói Dần giống dì Phong. Trước giờ bà vẫn giận những ví von kiêu đó. Thực tình, bà không muốn con cái giống mẹ. Những người đã khuất bên họ ngoại còn được nhớ tới bây giờ thường có cái chết xanh xao của ý tưởng. Chén độc dược và bài thơ tự thuật trên mặt thành của một sĩ phu thủ tiết. Phát súng kê vào màng tang của một người Cần Vương với đám tàn quân không tìm được hướng để vọng bái anh quân trước khi tự kết liễu. Những bài về ngạo cợt của một người áo dài khăn đóng dán lên ở cổng đình, cột chợ và vuông vải trắng trên cành cây vào mùa xuân đám trai gái đánh đu chạy ùa ra đầu làng đón quan công sứ. Người cậu ồn ào đòi hỏi và kết tội bữa bãi với cặp mắt mệt mỏi chậm rãi khép lại vĩnh viễn như một nhận thức về liên hệ xã hội vào phút chót. Giờ thì dì Phong bỏ đi như người cuối cùng của dòng lãng mạn. Những người đó đã sống và chết theo từng luồng tư tưởng mỗi thời. Họ không ăn nhằm gì vào buổi sớm nay. Như Chung Vô Diệm với tiếng kèn hát bội réo rất. Buổi sáng nay không có chi đặc biệt. Ngoài tiếng ngỗng dáo dác, tiếng mưa và dự tính sẽ gặp anh Tốt coi xem mặt mũi anh có khác trước chút nào.

Con mưa tạnh dần, trời hứng sáng. Mẹ và hai đứa nhỏ đi khỏi. Đàn ngỗng ra khỏi chuồng dẫn nhau về sân trước coi nhà. Dần thay quần áo đi về mạn bờ sông. Bên kia sông là khu chợ và vài con phố mới lập. Bà con Dần thực nhiều bên đó. Một cây cầu gẫy sập ở kế khúc quanh. Mặt trời mới, như nổi náo nức quanh quẩn. Luồng nước sáng dần chảy chậm qua những vòm sắt cong queo. Dần nhớ những buổi sáng mấy anh em đi với mẹ ra đầu cầu sông Cái chờ cha. Một con đò sang ngang chở những người vận áo vải mới và mấy vòng hoa cho một đám ma bên nhà thờ. Dần nghĩ giá có Thục cùng đi. Thục vẫn che giấu bớt về một mình lui thủ của Dần. Những chiếc thuyền đang dời chỗ đậu mang theo những luồng khói trôi nổi trên mặt nước. Dần chào mấy người quen vội vã qua sông để vào thành phố làm thêm ngày Chủ nhật. Chủ nhật. Ngày mai sẽ gặp lại Thục dưới chân pho tượng đồng.

Qua sông và một cánh đồng hẹp, tới khu phố chợ. Những dãy nhà tôn, nhà lá lẫn lộn. Những con đường ổ gà có bóng mát của hàng cây mới trồng, trên mười năm. Đám bà con không có gì đổi khác.

Vẫn những ồn ào nằm gọn trong lòng cánh đồng phẳng lặng lại gần mới biết. Cuộc sống lao động không có nổi những nhát cuốc bổ trên mặt đất tự đánh dấu. Anh Tốt. Tiếng vang không gọi được hình sắt hiện sinh. Anh như một cái bóng trong truyện, đã lùi thực xa. Mồ côi từ nhỏ, khi hai tay ôm nổi cái chổi lá cau anh đã sống trên mảnh sân Bát Tràng nhà Dần. Vào những ngày loạn đến gần, anh bắt đầu võ tiếng và khoẻ như cái cối đá. Cha Dần mang mấy người con lớn đi những chuyến đò dọc lên Thái Nguyên. Còn lại mẹ Dần mang thai con Hải, anh Tốt và Dần ở nhà. Những buổi chiều rủ Dần ra đóng công, anh võ bụng tự xưng là cái hột mít. Tháng tám mưa trên nền nhà trồng rau cải. Ao hồ nước lên cao, bèo non nở kín dày mặt nước. Đi trên đường làng đầy những hàng rào chướng ngại, anh Tốt tí mắt thấy Dần đồng lõa cho uống trộm một ngụm rượu mua về cho mẹ chữa bệnh. Anh làm bộ ngất ngưỡng đá vung những đám lá dừa làm giật mình những con ếch chồm hồm trên những cụm bèo dưới ao. Giọng võ tiếng nghe lạ như của một người say thực. Anh hát: "Giờ đây con với u đi tìm thầy, tìm thầy mấy tháng nay mà không thấy...". Mẹ Dần bảo gỡ, cấm hát, nhưng anh không chừa. Anh kiếm đâu được chữ bí mật đem ra dọa Dần: "Tôi còn biết nhiều bài bí mật nữa, khi nào thích mới hát. Nhiều đêm anh xin phép mẹ Dần cho đi công tác. Mờ sáng anh mò về thì thăm với Dần tôi qua anh đi với thực nhiều người, đi thực xa. Dần thì cho là anh bắt đầu mê gái. Vào một buổi chiều Dần đang ngồi câu cá ở bờ ao, anh Tốt từ đâu về hớt hải nói giặc tới. Mẹ Dần sắp tới ngày sinh, tính với anh Tốt tìm nơi an toàn để ở yên một chỗ. Không có nơi nào ngoài quê ngoại của mẹ Dần ở trong vùng địch. Ba người sửa soạn thực mau. Ra tới đầu ngõ hai mẹ con Dần phải đứng chờ một hồi lâu anh Tốt mới đóng xong công, kiếm được một lối bí mật để ra ngoài. Buổi chiều mưa. Những đoàn người bồng tú bồng tản mát trên những cánh đồng, những khu xóm lạ. Những chuyến đò qua hồ, qua nương với những người đàn ông cởi truồng, những đàn bà váy phùng mặt nước bơi theo. Nơi nào cũng như có súng giặc nổ chặn đường. Gần tối, đám người chạy những đoạn đường gần đã khuất vào các thôn xóm. Còn lại ba người. Hai đứa nhỏ rét lạnh và người đàn bà trên bờ đê dứt khúc bờ ngõ định hướng tìm quê ngoại. Khi tới nơi, mẹ con Dần được đón tiếp thực niềm nở. Anh Tốt và Dần ôm nhau ngủ trong căn buồng chứa khoai chứa củ. Một ngày trên đất lạ, Dần và anh Tốt làm mẹ Dần cũng nhớ nhà lây. Quê cũ của bà ngoại không làm mẹ Dần yên lòng. Dần nghe anh Tốt kể chuyện vào buổi sáng hai người rủ nhau ra vườn lán những mặt lạ. Đứng rũ dưới cây khế ngọt, những lúc ngưng ngẩn, trí nhớ loãng, không bắt được một mẩu chuyện để an ủi Dần, anh hát "Giờ đây con với u đi tìm thầy...". Ba người lại trở về vào buổi chiều. Nhá nhem tối chưa đi được nửa quãng đường tuy lần này không phải chạy xa tiếng súng. Những cây cầu cheo leo ngang sông, những vũng nước ngập đầu giữa đường và những xóm nhà xa không ánh đèn. Anh Tốt trở một ngôi chùa bị phá dỡ dang, nói đã có đêm cùng đoàn người xuống tận đây dỡ ngôi. Anh tả suốt đêm phải khom lưng trên mái chùa muốn gãy lưng. Dần chắc anh bịa nhưng thích nghe. Cuộc phiêu lưu của anh đầy những thể bỏ và mang mọi người lại gần, làm quen với những cảnh hoang sơ xa lạ. Về tới khu chợ, trời đã khuya. Những cây đa, cây đề um tùm bóng tối, những gian quán lợp ngói bỏ không, khúc rẽ của ma lợn, ngôi miếu ma trơi, chiếc võng trong rặng tre của một bà già mù xoa tóc kéo kẹt trong đêm. Anh Tốt cầm đầu bước. Im bật lời bịa đặt phiêu lưu. Nhà bà ngoại ở ngay đầu làng, mẹ Dần định sẽ vào ở đó chờ sáng sớm về. Tới cổng làng mới nghe tiếng anh Tốt. Đột ngột tiếng đứa trẻ đập tay vào cánh gỗ lim cùng tiếng gọi thảng thốt của một giọng khàn khàn vệt đục. Dần nghĩ ngày mai đón Thục dưới chân pho tượng đồng sẽ có thêm chuyện nói. Vào tới con đường đất đỏ chạy giữa hai dãy nhà, Dần gặp chị Lý.

"Về hồi nào đó cậu?"

"Được vài hôm".

Chị Lý đang ngồi chơi với đứa con trai dưới giàn hoa giấy. Hai mẹ con bỏ dở cuộc nô giỡn. Dần cầm bàn tay còn hai ngón của thằng bé dặt vào nhà. Chị Lý theo sau rồi rít hỏi chuyện. Dần hỏi:

"Chủ nhật ăn lương gấp rưỡi sao không đi làm?"

"Làm mãi, chết xác để lấy tiền nuôi béo nó à?"

Dần nhìn khắp nhà chắc chồng chị đi vắng. Dần cười với thằng bé trở mắt ngồi trên đùi. Nghe Dần nói sang gặp anh Tốt, chị bảo anh chắc quanh quẩn ở một bàn bạc nào đó. Từ bữa ở chi Chiêu Hồi được về, anh ở mỗi nhà mấy bữa, ăn no lại nằm. Chỉ có nhà chị là tệt, chị đi làm, chồng chị đi hút cho béo, anh Tốt ghé chơi có lẽ. Dần hỏi:

"Hai vợ chồng chắc đã lộn xộn?"

Chị Lý kêu lớn nguyên rùa. Chị bảo thằng nghiện đó vẫn không ngớt nhắc tới quả pháo tổng hội tết. Tôi qua, thằng chết đâm lại cuốn tóc chị đánh như đánh kẻ thù. Chị thấp giọng:

"Nó vẫn còn tiếc những móng tay của thằng bé gói trong giấy bông đỏ vớt ngoài sông".

Dần hút một điếu Salem trong gói thuốc chị Lý. Căn phòng đầy những đồ Mỹ. Chị Lý khoe mới lên lương. "Phải giấu, không cho thằng chết đâm biết". Răng chị nom lạ mắt. Lặp lại chuyện tôi qua, chị vẫn muốn la hét với cái mồm mới cạo răng trắng.

"Bao giờ cô Thục cho chị ăn cỗ?"

Chị hỏi lúc Dần đứng dậy. Dần bảo:

"Tôi nay giỗ trăm ngày Dần-anh, hai mẹ con sang chơi".

Ngoài đường mưa rơi nhỏ. Dần đi thẳng tới nhà anh rể. Dưới mái tôn trước nhà, xe gắn máy để thành hàng. Chắc của đám đánh bạc. Ngày nghỉ không phải trực trong đồn, anh Kính vẫn mời mấy người làm sở Mỹ tới ăn uống, đánh bài đề lấy xâu. Dần vào nhà, vợ chồng anh Kính có vẻ mừng. Dần chào mấy người ở bàn tổ tôm, có ý kiếm anh Tốt.

"Nó vừa đi mua phở cho anh Thắng".

Anh Kính nói. Thắng ngồi ở bàn tổ tôm cười bảo Dần:

"Bây giờ nom đồng chí già gấp hai tuổi cậu".

Dần hỏi Thắng:

"Nghe anh sắp nạp đơn vào Quốc hội?"

"Thì cũng mới định vậy. Anh em họ giục dữ quá".

Anh Kính hiền lành nhìn Thắng nói và cười phụ. Dần bảo anh:

"Vợ con binh sĩ, công chức mỗi người được thêm hai trăm tiền gạo, cũng đỡ?"

Anh Kính cười rộng thêm:

"Thì cũng biết mừng vậy".

Cánh cửa đẩy hé cho một người bước vào. Dần gọi:

"Anh Tốt".

Người đàn ông tay xách cái gà mèn bỏ nón, ngạc nhiên nhìn Dần.

"Anh già quá, anh Tốt".

Anh Kính đón cái gà mèn chuyển vào bàn tổ tôm. Tốt cười:

"Anh nom cũng lớn".

Dần bảo lại bàn uống nước nói chuyện, Tốt lấy trong túi áo bà ba một xấp giấy vuông nom như giấy lau đĩa bát ở một tiệm ăn, nhón một tờ lau bộ mặt lờm chờm râu ướt nước. Anh Kính vớt cho hai người một gói thuốc thơm. Tốt kéo vại điếu nhô ra, mời Dần:

"Vào tới đây cái gì cũng thấy lạ".

Bộ mặt Tốt vẫn tròn, mắt vẫn híp nhưng hai vai thực gầy. Dần hỏi:

"Ở ngoài ấy có mấy con rồi?"

Tốt cười híp mắt. Tiếng trả lời không rõ. Trong buồng, chị Kính ru con: "Làng Phù Đổng có một người. Sinh ra chẳng nói chẳng cười trơ trơ. Những ngờ oan trái bao giờ. Nào hay thần tướng đợi giờ ra quân...".

Dần nhìn ra ngoài trời, bảo Tốt ra kiếm la-de uống chơi. Hai người ra một cái quán gần cánh đồng. Tốt bắt đầu bỡ ngỡ. Anh cười nói dóc rằng, người đàn bà mặc váy cầm cái vò đứng bên cái chuồng bằng vỏ bom báo chí trong này đăng hình chính là vợ anh. Về lù dù của mái tóc rậm và đôi vai so giảm bớt ở cái cười tinh quái thoáng có. Dần hỏi anh có dự định gì không. Anh bảo chắc Thắng sẽ giúp việc làm. Giờ tới ngày bầu cử, anh sẽ đi vận động cho Thắng.

"Anh ấy bảo có muốn lấy vợ anh ấy giúp".

Tốt nói. Dần bật cười không tin:

"Hắn lấy vợ cho hắn còn chưa xong, giúp được ai. Ở khu chợ này đám con gái già không đứa nào không chửi hắn. Hắn ứng cử vì hỏi vợ mãi không ai ưng".

Tốt hỏi:

"Anh không ưa anh ấy?"

"Dần-anh còn sống mấy lần suýt đập lộn với hắn. Dần-anh ghét hàng ria mép của Thắng".

Dần cười dài nắn nắn cánh tay xâm chằng chịt của Tốt, thấy hai người nói những chuyện trẻ con lúc nào không hay. Trỏ chữ tím thẫm trên da, Dần hỏi:

"Xâm hời nào đó?"

Tốt tí mắt:

"Làm ở chi Chiêu Hời. Họ bảo đó là chữ Sát Cộng. Cái đầu rồng làm thêm ở ngực mới đẹp".

Dần đùa:

"Nếu còn chỗ nên xâm thêm cái hình vợ anh đánh chuông".

Lúc trở về, mưa tạnh, nắng sáng trong, Dần gặp người chú tuyệt ngôn đội mũ nịt, để râu ba chòm, vận quần áo sồi mới rảo tới nhà anh Kính châu rìa tổ tôm. Dần bảo Tốt:

"Ghé nhà ông Cồn một chút".

Hai người rẽ vào một khu vườn nhỏ có mấy dãy nhà nuôi gà. Ông Cồn đang đứng bên cái máy ấp trứng. Thấy Dần, ông vỗ cái máy:

"Mười ngàn đó. Cũ nhưng còn tốt".

Ông Cồn không mấy khi tỏ cảm tình lúc đột nhiên có một đứa con, đứa cháu trở về. Ông bảo tụi nó có mặt hay vắng mặt cũng thế thôi. Nhưng sau khi thằng con thứ tư - thằng Ôn - đi nốt, ông kêu khu phố chợ này đã hết con trai.

"Tôi nay chú sang ăn giỗ".

Dần nói. Ông Cồn nhìn Dần, nghiêm trang nghe ngóng. Ông gật:

"À, một trăm ngày thằng Dần-anh".

Ông lại bàn uống nước. Dần hỏi:

"Thím đâu chú?"

"À, bà ấy vẫn quanh quần đầu đó".

Dáng to béo nặng nề của ông xoay trở trên ghế. Ông rót nước vào mấy cái tách, giọng lừng lơ:

"Đã có đàn gà nuôi đôi vợ chồng già này".

Dần hỏi chuyện chăn nuôi để khỏi nghe những chuyện khác. Ông Cồn òn ào kể và cười lớn. Trại gà, cái máy ấp trứng không để ông có chỗ sàm sỡ, thân mật một cách giả dối. Về cười cười nói nói của ông vẫn bao ngoài nổi xa cách với gia đình Dần. Những người ở đây cũng không khác. Từ hồi cha Dần mất, mối liên hệ hàng ngày chỉ còn với vài ba người quen được mẹ Dần là con quan. "Cái dòng họ dâm loạn vì giàu sang, chết cuồng vì chữ nghĩa", có lần người ở đây đã chuyện nhau câu nói đó của ông Cồn. Giờ thì chỉ chị Kính và Dần-anh thực sự được họ hàng nhìn nhận. Chị Kính vì biết sống cho chồng con. Dần-anh thì không có cái chết giống mấy người bên họ ngoại. Hắn không kịp quay lại phát súng nổ phía sau.

Ở nhà ông Cồn trở ra, Tốt bảo Dần ghé chơi chỗ ở của anh. Dần bảo trước giờ chưa vào nhà Thắng, để khi khác. Dần hẹn tới Tốt sang rồi trở về. Qua sông, nắng loáng trên mặt nước rộng. Dần nhìn bờ cỏ cao chạy trước mặt thấy như vừa chợt có nỗi cảm tình phí phạm, tào lao. Thực vẫn như ước muốn được tìm đến, gặp mặt kèm nổi băng khuâng hình dung được nơi chốn và nhan sắc.

*

Ông Cồn nói cười nhiều nhất. Ông nói chuyện đăm con ông và mĩa mai Thắng. Thanh niên khu phố chợ đã đi hết. Thắng mà trúng cử chắc không còn nhận ra họ hàng. Thắng mà được một đứa gái già bỏ phiếu thì chắc hết loạn. Giờ hắn không cưỡi vespa, rà rà đi tán gái nữa. Mỗi buổi chiều, đăm con gái thường thấy hắn mượn xe của viên Ty trưởng già, tập lái trong khu phố. Hắn để đầu mượt và ngậm Hav-A-Tampa. Đã có mấy con chó bị cán chết. Ông Cồn kết luận:

"Cũng may, thanh niên đi hết, đường phố vắng vẻ xe cộ".

Trời tối mau. Không thấy di Phong về. Ông Cồn và mấy người nữa sợ mưa, ăn trước rồi về. Đám trẻ nhỏ được chị Kính nom cho ăn uống ở đi-văng cười la ồn ồn. Tốt và anh Kính từ ngoài giàn mướp trước nhà đi vào. Cả hai áo đều bỏ trong quần nom tươm tất. Anh Kính nói vào Địa phương quân, ở gần nhà cũng đỡ, chỉ kẹt không biết bao giờ giải ngũ. Tốt nói nếu sang năm phải đi quân dịch, chắc phải nhờ Thắng xin cho vào Nghĩa quân. Chị Lý đang bày bàn ăn đùa anh Kính:

"Đầu óc mấy người giờ chỉ có một thứ phải gió đó".

Anh Kính đùa lại:

"Còn chị thì hết chết đăm đến phải gió. Hết phải gió đến chết đăm. Tôi mà là anh ấy, tôi cũng biết khện".

Người chú tuyệt ngôn ngồi trước mấy đĩa ăn chay, theo dõi hai người đối đáp và cười. Mẹ Dần mệt đã vào nhà trong nằm, anh Kính trở nên vui chuyện. Anh bảo chị Lý:

"Lâu lắm mới được ngồi ăn với bà chị. Có dám say một bữa không?"

Chị Lý cười lớn:

"Bữa tiền thằng Ke Non về nước, mấy thằng phải gió lén đổ huyết-ky vào la-de, người ta vẫn cười nói như thường. Chưa biết rồi đĩa nào say, đừng có thách".

Mọi người quay quanh bàn ăn. Người chú tuyệt ngôn ngồi riêng một góc. Dần rót cho ông một ly la-de:

"Bữa nay chú uống nhiều một chút cho vui".

Chị Lý so đĩa cho ông:

"Chú cứ uống cho say. Nếu say quá, cháu trở về gọi thím thuê ghe sang chở chú về".

Trời bắt đầu mưa. Con Tám đi lùa ngỗng về vào nhà gọi Hải mang đèn ra công lượm một mớ truyền đơn đã đảo bầu cử mang xuống bếp đốt. Anh Kính, chị Lý không ngớt thách đổ nhau. Tốt, Dần, người chú tuyệt ngôn bị nài, uống theo cũng nhiều. Hai gò má cao từ hồi người chồng nghiện bắt đầu đỏ óng. Chị Lý cười, nói lớn như đã thực sự quên có hồi chị thực đẹp. Anh Kính đã dám quát lúc mấy đứa con bu quanh "Mẹ bảo bố đừng say", "Mẹ bảo bố đừng say". Tốt thắm thì bên tai Dần: "Không phải người đàn bà nào cũng cầm vô nện vào vô bom báo động". Giọng Tốt nhỏ, còn tỉnh, như rời xa bộ mặt nạ, gồ ghề và yên tĩnh. Anh ta lấy ra xấp giấy lau bát đĩa ở tiệm ăn đưa mỗi người vài tờ lau miệng, rồi bảo Dần:

"Cứ mưa này, la-de này mãi, bọt cũng phải nhớ vợ nhớ con".

Tốt không say. Những ly la-de chỉ tạo một hứng khởi nửa chừng, chưa đủ làm Tốt thành ồn ào. Người chú tuyệt ngôn thêm thiếp giữa những khua động ly chén, bát đĩa và tiếng cười không môi. Ngoài Tốt, không ai quen được chất rượu. Những chai la-de mẹ Dần khuyên uống từ trước tới giờ vẫn như một liều thuốc có chút ít chệnh choáng. Dần ngả đầu, bỏ tay đĩa, ngậm một điều thuốc dường như đã tắt, không còn muốn cựa quậy. Di Phong không về. Mẹ Dần từ nhà trong ra như vừa qua một lúc chớp mắt. Bà có vẻ lạ, thấy vẫn còn người ăn và tiếng ồn ào dưới ngọn đèn thu nhỏ ánh sáng ngôi nhà. Bà không lại gần nhưng có ý kiểm Dần xem có còn ngồi đó? Bà lại phía bàn thờ thối tắt nốt mẫu nến đã ngả bấc. Bức hình Dần-anh ngồi vắt chân giữa cổ hút thuốc trong lòng chiếc ghế sa-lông nhà một người bạn nào đó bốt về ngõ nghịch. Bà thắp thêm vài nén nhang. Dần chợt nhớ buổi chiều tắm bãi Trời Trông với đám học trò và đêm gió to mang người đàn bà có đôi tay đen đui về giấu trong nhà bà ngoại. Thấy khó chịu, Dần ngồi thẳng dậy châm điều thuốc đã tắt. Chiếc mũ bị bật đầu, mấy chòm râu, tấm áo sồi tươi màu của người chú tuyệt ngôn khiến Dần chợt ngỡ như vừa mới chớp mắt. Dần bỏ vào nhà trong nằm. Trong lúc chập chờn, Dần nghe như mọi người ra về giữa lúc còn mưa lớn. Dần mơ nằm chung với Thục. Thục cười bảo anh gối đầu ê cả cánh tay em. Em vừa mơ thấy hai đứa qua sông. Vì anh cảm thoa phần nên lúc đó mặt em thực tái. Vì anh gối đầu lên cánh tay nên lúc đó em chỉ thấy còn mỗi một cánh tay. Dần tỉnh dậy mưa đã im. Di Phong không về thực. Dần ra ngoài kiếm nước uống. Một ngọn đèn bóng sơn đỏ thấp ở bàn thờ Dần-anh. Mẹ Dần đã buông mùng đi nằm. Con Tám kể lại lúc về Tốt phải công người chú tuyệt ngôn. Hai chị em nó chưa ngủ. Hai đứa nói còn sớm, trời mưa nên tưởng đã khuya. Chúng đang ngồi trên ghế áp mặt lên bàn vặn ra-dô nhỏ nghe với nhau chương trình "Gia đình". Có tiếng một đám trẻ nhỏ nô giỡn reo cười ở đâu đó như từ trong bầu trời mông lung những làn sóng điện.

Có heo may Hà Nội

Tôi chạy đến thì anh tôi đã bỏ đi. Một đám đông bu trước tiệm nước. Chiếc khăn bàn anh tôi ngồi rũ xuống một góc được giữ lại bằng một lưỡi dao ngấp trên bàn. Người đàn bà chủ tiệm mặt tái xám, đứng chôn chân trước quầy hàng, tay nắm chặt máy tờ giấy trăm thật mới. Mấy người nữ chiêu đãi đang cúi xuống chân bàn lượm các mảnh vỡ, hót đồng bún bò lẫn mùi la-de, lựa những chiếc nem nhóp nháp như bị mưa lên. Tôi quay trở ra, không có ý đi tìm gặp anh tôi, nhưng tôi cũng không về nhà. Thầy mẹ tôi chắc sốt ruột lắm. Tôi ghé lại nhà cô Út tôi. Cô hỏi:

"Anh cháu về chưa?"

Tôi đáp:

"Anh ấy đang ở trên đường về nhà".

Cô tôi lạ lùng:

"Cháu nói gì kỳ thôi, cô không hiểu".

Tôi lại bên chiếc đôn sứ góc nhà vặn nhạc.

"Thấy thầy mẹ cháu, các cô chờ anh ấy hoài, có vẻ quan trọng, cháu cũng nói vậy cho có vẻ quan trọng".

Cô tôi bật cười bỏ cho tôi một trái táo. Chú tôi chưa về. Nhà đã bật điện. Một đứa tớ gái lên hỏi:

"Mợ dùng cơm bây giờ hay chờ cậu cháu?"

Tôi bảo cô tôi:

"Cô cho cháu ăn cơm tối nay".

"Cháu không gấp chứ?"

"Không".

Cô tôi bảo đứa tớ gái:

"Thôi, chờ cậu mày về cùng ăn".

Hai cô cháu tôi ngồi đối diện nhau. Tôi nói:

"Cho phép cháu đoãi chân cho đỡ mỏi".

Tôi dựa lưng vào băng ghế, hai chân đoãi dài trên mặt đất. Cô tôi ngồi lợt trong ghế, nom cô mập và lòng ghế hẹp hẳn đi.

"Đám giỗ hoãn lại một ngày là phải. Anh cháu về kịp".

Cô tôi nói như thầy mẹ tôi. Nhưng tôi không dám cãi. Tôi bảo mẹ tôi anh tôi sẽ không vui khi biết đám giỗ hoãn lại chờ anh. Mẹ tôi giận: "Anh con nếu có lớn vớn trong đầu một đám giỗ, là đám giỗ anh ấy".

Cô tôi đoán được tâm trạng tôi, phân giải:

"Anh cháu về đúng ngày giỗ đủ mặt họ hàng, tết đến nếu làm biếng, không đi thăm bà con cũng được".

"Cô nói có lý".

Tôi nói nhưng thấy cô tôi không đúng. Anh tôi đâu có sợ làm phiền họ hàng bao giờ. Nguyên đời sống của anh khiến anh ít liên lạc với bà con, hưởng hờ anh lại tự biệt lập với tất cả. Một lần đã lâu anh bảo tôi: "Thà vợ vất trong thực tại này còn hơn dựa vào những ung thối đã qua mà sống với một tình yêu giả tạo". Tôi không ưa những bất mãn, nổi nóng nhằm làm nổi mình hơn nhằm một biểu lộ cần thiết, nên tôi rất chịu anh tôi. Nghe anh nói, tôi giữ sự lễ phép của người em thụ huấn huynh trưởng.

Tối, chú tôi về. Hai chú cháu vừa ăn vừa nói chuyện – đúng hơn, tôi nghe – Tự tình khúc của Cao Bá Nhạ, mặc cảm dốt của một ông tướng đã thất thế, và Cô gái Đồ Long. Chú tôi Kim Dung là một thiên tài. Tôi thêm: "Một thiên tài viết kiếm hiệp". Chú tôi nhỏ hơn, thấp hơn cô tôi. Có lẽ vì vậy chú hay tỏ ra uy quyền với vợ và bọn học trò mà chú tự hào sống gần được tâm trạng chúng.

"Bọn chúng sinh nhằm cái xã hội này như những con ngựa bứt cương. Phải có đời sống bứt cương mới trị được".

Thì ra chú tôi là người "bứt cương". Nói chuyện với chú tôi vẫn có ngạc nhiên những đột ngột vì

biết thêm một sự lạ ở chú như thế. Có lần chú nói đến những kẻ xoay như con thò lò sáu mặt, tôi hết hiểu nổi chú.

"Cháu có thấy bây giờ người ta đọc nhiều kiếm hiệp là để quên đi những cái đui giò bò..."

Tôi đáp: "Người ta đọc kiếm hiệp còn nói viết và suy nghĩ về kiếm hiệp".

Tôi cười: "Vừa rồi, chú có viết một bài về Trương Vô Kỵ? Những anh hùng dự tưởng hay nổi khát vọng trăng sao?"

Chú tôi lắc đầu. Lắc đầu vì tôi cười, không vì từ chối.

"Bây giờ không ai có quyền sống xa đời sống đông đảo quanh mình".

Tôi xin cô một ly nước lọc uống rồi chào cô chú tôi về. Cô tôi đưa tôi ra cửa, bảo tôi:

"Sáng sớm mai cô sẽ lên. Tết nhất đến nơi, nghỉ buổi nào thiệt buổi đó nhưng ngày giỗ ông cha ai mà dám quên, không tư tưởng tới?"

Tôi kêu xe xuống Phú Lâm. Người bạn tôi – tên Thường – đang ngồi đờn ở vườn hoa sau nhà. Tôi bước dọc theo hiên sau xuống con đường nhỏ đá sỏi. Mùi dạ lý hương sực nức. Thường ngồi trong tấm ghế nhựa đặt vào một lối rẽ nhỏ. Thường nắm tay tôi:

"Lâu lắm mới thấy bò".

"Lâu lắm mới gặp lại anh".

Tôi đỡ cây guitar hawaiiienne cho Thường vào nhà lấy thêm ghế. Mặt trăng còn một vành nhọn nhưng đủ sáng những nồn mây trôi ngang trên vườn. Hàng dừa cuối vườn loà xoà, lấp lánh ánh sáng tinh tú. Thường trở ra đặt hai chiếc ghế sát nhau:

"Cùng nhìn vành trăng muện chịu chứ?"

"Chịu".

Thường đưa cho tôi một gói thuốc Mỹ:

"Hút thuốc xem?"

Tôi từ chối:

"Hút thuốc tôi ít hút từng điếu. Mà hút liền một lúc bao thuốc của anh, đêm ngủ nhưc đầu, mơ góm lấm".

Thường cười:

"Mơ góm cũng bưng mắt dậy một cái là hết. Sự thực còn nhiều cái góm hơn nhiều. Nếu không hút thuốc, hết còn gặp những cái góm ghiếc, cả Việt Nam sẽ từ thuốc hết. Kể cả những đứa nhỏ đi đêm, đóm than đầu thuốc là là trên mặt đất".

Chúng tôi ngồi hút thuốc. Con đường nhỏ lộ hẳn giữa những thân cây thấp. Tôi bảo Thường cho nghe bản "Đêm tàn bên Ngự". Thường vuốt trên phím đàn, hai gò vai rung và nhấp nhòm. Tôi nhìn bầu trời cuối năm, thấy bầu trời cao nhưng vẫn quen thuộc. Trước kia tôi vẫn nghĩ hết tuổi lãng mạn, hết còn ưa trông trời. Nhưng tôi chỉ có cảm tưởng mình không yên tâm mơ mộng, còn bầu trời mây và trăng sao tôi vẫn ham. Có lẽ nào tôi như chú tôi, không còn biết nói về điều gì gần gũi để đến độ phải lục chông kiếm hiệp của con cái truy nguyên ra ông Kim Dung thiên tài: "Bây giờ không ai có quyền sống xa đời sống đông đảo quanh mình". Chú tôi đã quá khôn khéo và thích ứng tự nhiên như thuyết của Darwin. Thực ra chú tôi không hề "bứt cương". Tôi nghĩ. Chú tôi vẫn là người tha thiết và nhiệt thành. Ở Hà Nội, tránh đám người làng quấy quả vì chuyện tị nạn, chú lên làng Bưởi mắc võng đọc Marx, vào Sài Gòn chú tin ông Diệm như người tạo cơ hội cho những nhân tài tham gia việc nước, những thí dụ trong khi giảng bài, một nửa số thí dụ về đời ông Ngô. Từ ngày ông Ngô đổ, chú sinh ra nghi ngờ tất cả chuyện xưa lẫn chuyện nay. Chú bảo chú đã bị anh em nhà Ngô lường gạt. Chú thôi không tham gia mấy đoàn thể của Bộ Giáo dục. Chú viết báo văn hoá trình bày nổi nghi ngờ của mọi tầng lớp, viết về Trương Vô Kỵ với những danh từ triết học lẫn chịu chơi. Chú vẫn nhiệt thành và vẫn đơn giản dù có muôn ngàn rắc rối do mình tạo ra. Dù mọi nghi ngờ phong phú, mọi thắc mắc về nhân sinh của chú đã làm cho một học sinh muốn xin làm một tên đây tớ để tỏ cái ân đã có người hiểu được lớp trẻ mình, chú vẫn bị cô tôi nhìn như một người dễ nổi nóng vì một đôi đĩa lau không sạch.

Gió càng về đêm càng mạnh. Trăng đã bị mây che kín. Bầu trời còn sao và hoả châu. Chúng tôi im lặng trong ánh sáng chao chát hồng rực trên các cành cây trong vườn. Thường đờn lại bản "Đàn chim Việt". Tôi đứng dậy vươn vai, hít mạnh mùi dạ lý hương. Thấy nhưc đầu ngậy ngát, tôi bảo Thường:

"Mình đi ngủ là vừa".

Thường chiều ý tôi mắc màn ra hiên ngủ. Tôi thiếp đi tai vẫn mơ màng tiếng Thưởng. Lúc tôi tỉnh dậy, đầu tôi vẫn nặng, Thưởng đã ngáy đều. Tôi lại ngủ hương thơm dạ lý. Chắc anh tôi đã về nhà. Ngày mai có thể lại lảm chuyện lộn xộn. Tôi hình dung đến bữa cỗ như hình dung đến một thế giới đàn bà. Thế giới ở bên tôi từ bao giờ. Tôi đã sống, đã vui và cũng đã có lần buồn vì một người đàn bà trong thế giới đó. Nếu gạt bỏ được ý nghĩ nhớ đến Hà Nội là một trạng thái tinh thần suy nhược trước hiện tại khô cằn, tôi có thể nói tôi nhớ đến thím Hương như một người đàn bà đưa tôi ra khỏi thành phố của thời thơ ấu.

Đạo đó Điện Biên Phủ đã tới hồi ngã ngũ. Thầy tôi lúc đầu còn tin năm cửa ô Hà Nội vững hơn những dãy núi quanh lòng chảo Điện Biên, vẫn còn nuôi ý định mở lại, với bác sĩ Hoàng Cơ Bình. Về sau, lúc đã nao núng, thầy tôi thấy Hà Nội quá xa cửa biển quá xa những con tàu vào Nam, gia đình tôi lật đật xuống Hải Phòng. Đúng ra, gia đình tôi lúc đó đã chia hai. Chuyện di cư chưa nghe ai nói tới. Ông Ngô có được gia đình tôi nói tới cũng chỉ vì mấy câu khẩu hiệu viết ở Nhà Thủy tạ hồ Hoàn Kiếm: "Cụ Ngô thông nhất sơn hà. Già Hồ chia sẻ nước nhà làm đôi". Thầy tôi là tộc trưởng, gia đình tôi lại không được khá như mấy bà cô tôi, nên chuyện chia hai gia đình lúc đó có vẻ hợp lý. Tôi, đứa em trai út và thầy tôi là những người sẽ vào Nam. Anh tôi với mấy đứa em gái và mẹ tôi sẽ ở lại về làng phụng dưỡng bà nội tôi. Ba cha con tôi xuống Hải Phòng vào những ngày Hải Phòng nắng gay gắt nhất. Chúng tôi ở nhờ nhà một bà cô họ chờ nghe ngóng tình hình rồi mới đi. Suốt ngày thầy tôi đi gặp mấy người bạn nhờ họ giúp ý kiến. Tôi và đứa em hết ra tiệm sách kê bên rạp Kim Chung mượn truyện về đọc, lại ra sau bếp nhìn qua hàng kềm gai đếm những con tàu vào ga. Người cô họ tôi tuy chiều chúng tôi, ít muốn chúng tôi ở bên mỗi khi cô mở đài Thái Nguyên nằm trên giường nệm nghe: Chồng cô kháng chiến, cô chờ đón người trong Nam gửi ra cho cô một giỏ trái cây, cô bỏ cho anh em tôi ăn rồi bảo:

"Tao vẫn mong chúng mày về để ăn măng cụt. Nhưng chú mày mà về tới đây, Nam Bắc thành xa lạ rồi còn gì. Chúng mày vào trong đó mặc sức mà ăn".

"Thầy cháu định vào Nha Trang gặp mấy người bạn rồi mới thuê xe ngựa qua sa mạc vào Nam.

Tôi nói, cô tôi nghe, có vẻ buồn. Cô hỏi:

"Anh em mày có nhớ mẹ mày không?"

Thằng em tôi khóc. Tôi nói:

"Không nhớ".

"Mày lớn rồi có khác. Ở làng, mày lấy vợ được rồi đó cháu ạ".

Cô tôi tủm tỉm cười. Tôi ngưng đờ mặt. Những lúc có cô ở nhà, chúng tôi có những phút khuây khoả như vậy. Cô tôi đi khỏi, cửa nhà ngoài đóng im ỉm, hai anh em tôi vừa lạc lõng vừa sợ hãi. Những lúc đó nếu ra sau nhà, nhìn những con tàu thì nhớ nhà thêm, nếu ngồi trong phòng thì bị con ở của cô tôi dọa nạt. Nó thường trợn mắt hỏi tôi:

"Sao bố con mày đại thế? Hoà bình đến nơi còn kéo đi, Việt gian hả?"

Tôi chửi nó, nó túm lấy gáy tôi tát như trời giáng. Thằng em tôi vừa khóc, vừa cào cào nó trợ lực với tôi. Nó đá thằng bé sung đùi, trầy ngực. Sau mỗi trận đánh, nó dọa:

"Chúng mày mà mách bố cô chúng mày, tao nhổ đờm vào thức ăn cho chúng mày ăn".

Lời đe dọa của nó làm chúng tôi sợ, tìm cách nói dối cô tôi, thầy tôi về những vết tích do con ở gây ra. Một hôm thầy tôi về báo tin sẽ trở về Hà Nội rồi cả gia đình sẽ có máy bay vào Nam. Tôi chạy xuống bếp bảo con ở:

"Tao lại về Hà Nội đây. Mày có già đời cũng không bước chân được lên cầu sông Cái".

Con bé hùng hổ toan túm lấy tôi, tôi chạy lùi vào nhà, trở mặt nó:

"Hai năm nữa thông nhất, mày chết với tao".

Chúng tôi đi một chiếc Traction về Hà Nội. Qua cây cầu treo, tôi ngoái đầu lại thấy thù Hải Phòng. Dãy Đông triều trùng điệp xa lạ và thần tiên. Qua Hải Dương, những làng hai bên đường phát phới những lá cờ đỏ sao vàng. Lúc đó tôi mừng vì được trở lại nhưng bắt đầu thấy mình đang quay về thành phố buồn, thiết buồn. Tôi thoáng nghĩ đến chuyến xe ngựa cha con tôi định thuê băng qua sa mạc. Lúc đi, tôi không kịp thấy mình xa Hà Nội, lúc về, tôi thấy mình đang mỗi lúc một gần tháp nước khổng lồ nhiều bóng tối ở đầu Hàng Đậu, đang gần những gằm cầu, những vườn bông và ga Hàng Cỏ. Xe qua cầu. Tôi nghĩ giá được xuống xe chạy trên đường dốc dẫn xuống chỗ máy nghiền

đá, chắc tôi sẽ có lại cảm tưởng khi về làng bước vào khu sân gạch Bát Tràng đen như da trâu. Về Hà Nội, thầy tôi nghĩ ngay đến chuyện nhả người về làng mang bà tôi ra. Làng tôi đã bị chiếm. Có vài người trốn ra chờ di cư. Sau một đêm bàn tính với mẹ và anh tôi, mọi người chọn thím Hương là người sẽ đưa bà tôi ra. Bà tôi vốn thương thím sẽ khó mà từ chối khi thím ngỏ ý mời bà đi Hà Nội. Thím lại có mấy người anh bộ đội, chắc chuyện ra khỏi làng cũng đỡ gặp khó khăn. Nhả người về rồi, cả gia đình tôi chờ đợi. Riêng tôi, tôi thấy mong gặp lại thím Hương một lần cuối trước khi vào Nam.

Thím Hương có nước da thật trắng, thông minh và viết được đơn thuốc bằng chữ Hán cho chồng giắt vào túi dết khi chú tôi hết phép về cưới vợ. Tôi còn nhớ ngày cưới, chú nhất định mặc đồ quân đội đi rước dâu. Bà tôi đã giận dữ mắng chú: "Bao giờ hết đánh nhau, vợ chồng mày sống khuất mắt tao, muốn làm gì thì làm. Bây giờ mày làm thế, người ta chửi vào mặt tao. Người ta lại bảo thời thế đảo điên, luân thường lộn ngược vì bọn lính trắng chúng bay". Chú Hương vốn thương bà tôi, thấy mẹ vừa giận vừa chực khóc, đành âm ừ gượng gạo xỏ hai ống tay áo màu phân ngựa vào tấm áo the cũn cốn không che nổi hai ống quần ka-ki chật ống. Buổi chiều chú Hương đi, thím Hương không đưa tiễn, cặm cụi cầm cái chổi mo quét từng góc sân gạch. Tôi chưa ra Hà Nội, móc túi lấy từng cục pháo xiếc tung lên cao cho rớt xuống sân nỏ lép lép. Thím Hương chốc chốc lại ngừng nhìn tôi cười gượng. Thím kêu điếc tai, kêu Hà Nội vui, kêu lá cây bưởi với cây táo ở ngoài bờ ao bay vào quét mỗi tay vẫn không sạch. Tôi bảo thím: "Tết này thể nào chú cháu cũng về". Thím lại cười. Nụ cười thím tĩnh như bóng thím lẩn khuất bên trăng tường hoa trước cổng, bên những trụ gạch gần những hình rồng phượng bằng những mảnh bát vỡ. Tôi ra dưới gốc táo, cầm dao khua lắc các cành cây, lấy ít quả đưa cho thím. Thím chùi từng trái táo vào ống tay áo, bảo tôi: "Lớn lên chắc cháu đỡ khổ hơn chú cháu".

Tôi về Hà Nội ít lâu, thím Hương mang mo và lá dong ra cho gia đình tôi và mấy người cô gói giò gói bánh. Buổi chiều, thím dẫn tôi đi mua một tấm foulard, một cuốn truyện Kỳ Phát rồi dẫn tôi vào rạp Bắc Đô coi phim "Về miền Tây" có Roy Roger ... Lúc về, qua gầm cầu hàng Giấy, thím mua mấy khoanh bánh chưng rán về cho mấy đứa em tôi. Sáng hôm sau thím về từ lúc ngoài phố vẫn còn chập chờn ánh đèn của người đổ thùng. Tôi chít khăn foulard đạp xe ra đầu phố kêu xích lô rồi tiễn thím ra bến Nứa.

Hồi chú tôi chết mất xác ở Điện Biên Phủ, đường từ chỗ xe hàng đậu dưới cây gạo chân đê về làng tôi lúc nào cũng có một bọn com-măng-đô họp với phòng nhì đón người lộn tiền, hăm hiếp, nên chỉ có thầy mẹ tôi và các cô tôi nhờ một người vợ lính đưa về. Tôi nhớ mẹ tôi đã thuật lại bà tôi chửi chú tôi bất hiếu đến hết cả nước mắt. Cũng từ đó, làng tôi thành xa xôi. Bà tôi và thím Hương thỉnh thoảng được một người buôn bán xuôi ngược, gặp thầy mẹ tôi nhắc tới.

Thím Hương mang bà tôi ra vào buổi sáng chủ nhật. Căn nhà gia đình tôi ở tạm lộn xộn những đồ đạc. Bà tôi bảo thầy tôi nhiều bạn:

"Chúng mày cứ an tâm mà đi. Tao ở lại với con Hương. Mẹ con tao ra thăm chúng mày một lần cuối rồi chiều nay về làng".

Thầy tôi gất:

"Bà muốn nó sống tới già với bà sao?"

Bà tôi cương quyết:

"Nó như con gái tao. Rồi ra tao gả chồng cho nó".

Khi các cô tôi tới khuyên dỗ, bà tôi xoay chiều:

"Tao vào Nam, con Hương cũng đi với tao".

Thầy tôi giận mặc quần áo bỏ đi. Cô Út tôi nhỏ nhẹ:

"Kể ra mẹ mang chị ấy đi cũng chẳng sao. Nhưng còn thầy mẹ, anh em chị ấy ở lại, mình cố tình mang chị ấy đi, chị ấy cũng khổ, họ hàng chị ấy cũng buồn mà mình lúc nào cũng phải nghĩ ngợi".

Các cô tôi mỗi người một điều, bà tôi nghe họ, khóc rờn. Tôi bảo thím Hương:

"Thím ra hồ Hạ Le với cháu một lát, xem mẹ cháu có bán được nhiều chưa".

Thím ngần ngại nhìn tôi:

"Cháu không biết bao giờ mới gặp lại thím, thím cho đi chơi với thím chiều nay".

Thím lấy nón, lại bảo bà tôi:

"Con ra hồ xem chị Cả bán bàn ghế một lát".

Tôi và thím đi về phía hồ. Bờ hồ ngồn ngang những bàn ghế, giường tủ... Người bán nhiều hơn người mua, nom vội vã, nhẩn nhó. Người ta câu bừa cá ở hồ lên, mặc mấy người cời trần từ trong nhà thủy tạ đi thuyền ra quất mắng. Đám người coi câu cá la ó trả lại đến lúc chiếc thuyền quay vào mới thôi. Họ đứng nhìn những người đứng bán đồ đạc, bàn tán với nhau về cái chết của Đỗ Đình Đạo, về mấy chiếc G.M.C thi nhau đâm vào khu Khâm Thiên.

Mẹ tôi đã bán gần hết các thứ mang ra, đang ngồi ngơ ngẩn trên mép cái bàn còn lại. Thím Hương nói với mẹ tôi ít câu rồi giục tôi về.

"Về nhà bây giờ buồn chết, thím cho cháu đi coi chớp bóng một lần cuối".

Thím Hương thở dài. Những con đường từ phía Hàng Cỏ ra bờ Hồ thật vắng. Những ngôi nhà tây công đóng im ỉm. Nom vào sân nhà Đấu Xảo thấy rộng mênh mông. Bờ hồ, rạp Moderne vắng người. Thím tôi mua vé, tôi ngắm hình Victor Mature mà hai chân bị xiềng đẩy cái cối xay.

Lúc về, hai thím cháu tôi lên Khâm Thiên, dặn xe hàng sớm mai ghé qua nhà đón. Thím Hương bảo tôi:

"Lớn lên chắc cháu đỡ khổ hơn chú cháu".

*

Anh tôi đã về nhà. Lúc tôi trở về, mấy người cô tôi đã tới đông đủ. Bàn thờ đầy hoa quả, bánh trái. Mẹ tôi đang tẩy mực, thấy tôi, mẹ tôi ngừng lên rồi lại cúi xuống. Tôi bỏ vào nhà, nghe có tiếng mẹ tôi vọng theo:

"Con với cái, hư đồn hết cả".

Tôi lên lầu. Anh tôi đang ngồi đánh bài với mấy đứa nhỏ.

"Anh về hồi nào? Tôi hỏi và thay quần áo".

"12 giờ đêm qua".

Anh tôi ngồi chình ịch giữa giường nệm, át hẳn mấy đứa nhỏ. Mắt anh mờ hơn trước, râu anh lởm chồm khắp má. Tôi rất khó hình dung lại hồi anh còn cắp sách những cuốn triết học cần cù tô từng nét chữ Hán cho đậm nét.

"Hôm qua chú đến tiệm nước kiếm ta?"

"Không".

Anh tôi đứng dậy, vươn vai, người anh nhún nhảy trên nệm.

"Ta chờ chú về đi ăn sáng".

Bọn trẻ reo lớn:

"Phở Tàu Bay nghe anh?"

Anh tôi quờ chân vào gầm giường kiểm đôi giày:

"Ồ, ờ, phở Tàu Bay".

"Đi tắc xi cho lẹ nghe anh?"

"Ồ thì đi tắc xi".

Tôi hơi ngượng vì tiếng đáp của mình. Tôi bảo anh:

"Phở Tàu Bay đông lắm, làm sao lên nổi".

"Đông thì gắng chờ chớ sao".

Bọn trẻ lại reo. Chúng đùn đẩy nhau theo sau anh tôi bước xuống cầu thang. Rửa mặt xong, anh bảo mẹ tôi:

"Trưa nay con mắc kẹt xuống Thủ Đức thăm một người bạn. Mẹ nhớ để phần xôi chè cho con".

Mấy người cô tôi cười ồn ào. Cô Út tôi nói:

"Lính gì mà như con nít. Nếu sợ mất phần xôi chè, đi chơi làm gì nữa. Ngồi canh bên bàn thờ, chắc ăn".

Mẹ tôi như biết chúng tôi ưa sinh chuyện, cãi lý, bao giờ cũng thông thả trả lời. Về thông thả của bà vừa bắt chúng tôi phải kim lại nỗi hối hả hoặc nóng nảy vừa khiến những lời bà nói thành rõ ràng bên tai chúng tôi. Bà cũng muốn tỏ ra không quá chú trọng đến những quyết định của con cái tuy lúc nào bà cũng ngầm đặt trong đầu chúng tôi bà là người có những quyết định sau cùng. Những phỏng đoán này không cần thiết cho tôi. Những việc làm theo ý bà hoặc trái lại, tôi đều làm trong im lặng, thản nhiên. Tôi vốn sợ những ồn ào co rút lại thành những tiếng động rời rạc thêm vào đời

sống eo xèo của mình. Nhưng anh tôi thì không. Anh ưa gây gổ với bà như thể đó là một hình thức để biểu lộ mình còn có gia đình, còn sống giây phút với gia đình. Anh cãi cọ với bà cả những lúc anh muốn trêu chọc bà. Mẹ tôi, cả những lúc đó cũng dễ giận con. Bà khó lòng bỏ được ý nghĩ mọi người trong gia đình này đã sinh nhằm vào những ngày giờ xung khắc. Trước kia tính nghiêm khắc của bà nhằm bao bọc hạnh phúc cho con cái nên ở những roi đòn của bà chúng tôi cũng nhìn thấy con mắt dịu dàng. Bây giờ, hạnh phúc đó không thuộc về bà nữa. Cũng không thuộc về chúng tôi như một độc lập được giành giật. Tính nghiêm khắc của bà trở thành một cái vỏ ốc rỗng ruột. Chúng tôi nhìn cái vỏ ốc đó, mừng tượng có hồi mình được sung sướng.

"Không đi đâu cả. Mày về ăn giỗ hay mày về để đi thăm bạn?"

Mẹ tôi nói. Anh tôi cười lớn:

"Mấy thứ vật đó đâu có đáng công xin phép nghi".

"Mày kêu bạc vừa vừa chứ. Con trai mà cãi lại mẹ, mày chưa thành nhân đâu con ạ".

Anh tôi có vẻ ngượng nhưng vẫn cười:

"Giỗ chạp là phần của mấy bà, ăn nhằm gì tới tụi con trai".

Dứt lời anh tôi quay trở vào. Con giận của mẹ tôi tới lúc hết kim nôi, bà vút mấy con mực xuống chậu nước bắn tung tóe, đứng dậy:

"Mày định xắc với cả mẹ mày nữa đấy hả? Mày không sợ người ta chửi vào mặt mẹ mày sao?"

Anh tôi yên lặng vào nhà châm thuốc hút, chờ mấy đứa nhỏ thay quần áo.

Chúng tôi đi ăn phở rồi sang cà phê Nhân uống. Anh tôi nói:

"Tao chán cái cảnh này lắm rồi. Bao nhiêu năm nay vẫn những bộ mặt ấy, vẫn những câu chuyện ấy quanh đám giỗ ấy. Tao không muốn về nhà cũng vì vậy".

"Đằng nào mọi việc cũng coi như đã xong. Anh nói, mẹ buồn".

Tôi nói gắng gượng. Tôi vốn ít muốn thuyết phục người khác, và không ưa nghe người khác thuyết phục mình.

"Không ai giận gì mấy người đàn bà..."

Anh tôi lắc đầu với một thằng bé đánh giày. Tôi cười nhớ lại câu chuyện nói với chú tôi tối qua.

"Nhưng đời sống của những người ghép vào với họ, thật hồng".

Tôi nóng mặt:

"Anh nói ôm đồm quá".

Anh tôi nhú mắt. Mắt anh nhìn sắp nhưng tôi vẫn bắt kịp cái quắc sáng của anh chạm mạnh vào mắt tôi.

"Tao không nói tuyệt đối. Tuyệt đối chỉ có ở giảng đường, ở những thằng cố chấp, không có trong sinh hoạt. Có lẽ nào chú lại không hiểu tao nói gì, nói đến những ai".

Anh tôi nói như một người bị ám ảnh, không cần biết câu nói của tôi có ăn nhằm gì với nỗi thôi thúc ồn ào trong người anh.

"Tao không chịu được những bộ mặt trí thức thất bại lộ ra cả trong việc theo vợ đi ăn giỗ, nói chuyện thời thế và Hà Nội. Họ khôn khéo ăn nói những thứ mọi người đang thích ăn thích nói để che lấp nỗi nhớ tiếc vốn là mầm sống của họ. Họ không nhớ một mình Hà Nội, cũng không nhớ Hà Nội như tình của của một chiến bại, hoặc cao hơn, một nỗi nhớ cần nhiều cố gắng thực tại để bù đắp sự thất bại còn dây dưa chưa biết đến bao giờ. Họ còn thương nhớ cả những nếp suy nghĩ của mình nữa. Trước tình thế này, họ nên khuất mắt, đừng luẩn quẩn bên chân những người vừa mới lớn lên đã phải nhào vào chống đỡ những sụp đổ do họ gây ra".

Tôi yên lặng nghe anh tôi nói. Những lời anh nghe thật quen thuộc. Chỉ còn vẻ nóng nảy dồn dập vẫn là của anh. Không bắt được khối nóng đó, không nhìn anh, tôi chẳng còn gì để phân biệt mình đang nghe anh hoặc một người bạn nào đó. Những lúc xa anh, nghĩ đến anh chốc lát, khối nóng đó cũng hiện ra kèm theo. Lúc thoát bắt gặp, khối nóng nồng nàn lôi kéo cả những khó chịu đã qua của tôi. Nhưng trong một lát, khối nóng chỉ còn trong ý niệm, thoát hẳn những mừng tượng của cảm giác, anh tôi cũng tan biến theo. Khối nóng, dù tôi có nghe ngóng, chờ đón cũng vẫn loăng đi, mặt mũi, hình dạng anh tôi, dù tôi cố tìm một điểm đặc biệt như cái nốt ruồi ở xé bên mũi, con mắt kéo dài, gãy góc ở gần đuôi để suy ra toàn thân anh, cũng không hề hiện rõ. Nhưng anh tôi lại là người luôn luôn muốn xây đắp cá tính. Anh biết chọn chi tiết để tự mô tả. Lưỡi dao ngấp trên mặt bàn, "Mười hai giờ đêm qua"...

"Nếu gạt bỏ phương tiện ưu thế, lúc này không ai có quyền buộc tội ai. Ai cũng muốn giành giật tuổi trẻ cho mình, dù tuổi trẻ đó quá bận rộn về nhan sắc mình chẳng nữa".

Tôi nói. Anh tôi nhìn tôi chờ tôi tiếp hay đo lường nhiệt tình của tôi lộ trên mặt tôi.

"Không phải vì vậy mà thái độ nghi ngờ có chỗ đứng tốt. Nên thành thực để thấy nhau dễ thương hơn trước phút có người gục ngã".

Anh tôi uống, nhắm mắt. Tôi đẩy cho anh đĩa đường. Anh trút hết vào ly, khuấy mạnh. Anh uống một hơi, trả tiền rồi kéo chúng tôi ra khỏi tiệm. Trời gay gắt, không một dấu hiệu tét sắp tới.

"Chú đưa tụi nó về".

Anh tôi nói và ngoắc một chiếc tắc xi.

"Anh không về?"

"Chiều tao về. Tao không muốn nhìn những bộ đồ lớn ngồi chật nhà nói chuyện bằng cấp và Hà Nội".

Tôi bực mình:

"Anh cố chấp quá. Nói đến Hà Nội không là một cái tội".

"Hà Nội có làm thầy mẹ quên được tao đi lính không?"

Mấy đứa em tôi đã mở cửa, lên xe. Tôi bảo anh tôi:

"Hà Nội có đầy rồi. Nhiều đêm thầy mẹ nhớ anh, nghe súng không ngủ được. Thầy mẹ dậy nói chuyện Hà Nội".

Một quân nhân cười chiếc Vespa chạy bên kia đường, thấy anh tôi chạy chậm lại.

"Thằng hôm qua gây lộn với tao đó".

Anh tôi nói, giơ tay vẫy, chạy xuống đường. Tôi bước lên xe, thấy anh tôi ngồi đằng sau người nọ chạy về phía Sài Gòn. Tôi nghĩ tối nay sẽ rủ anh tôi xuống ăn mì Chợ Lớn. Tôi nhớ tới thím Hương. Nỗi nhớ của tôi không vì một chiều mùa đông mua bánh chưng rán ở gầm cầu Hàng Giấy, không vì tháp nước sừng sững đầu Hàng đẩu, không vì những chiếc lá táo, lá bưởi rơi đầy sân, rơi suốt buổi chiều chú Hương ra đi. Tôi nhớ tới thím vì không hiểu có lần nào thím nói với anh tôi: "Lớn lên chắc cháu đỡ khô hơn chú cháu"? Những ảo tưởng về tương lai chua xót, nhưng bao giờ cũng đáng phấn khởi hơn những ảo tưởng về những chuyện đã qua, dù đẹp nhưng tĩnh và chết như bóng thím Hương trên bức tường hoa, bên những trụ gạch dát hình rồng phượng bằng các mảnh sành mảnh sứ.

Một câu chuyện tình

Phụ lục

Những trang trên đã thu góp tất cả những bài viết của Y Uyên, cho tới nay chưa được in thành sách. Một mớ di cảo, khi tới tay chúng tôi đã không còn giữ nguyên được tình trạng sơ khởi của một bản thảo, do đó việc giới thiệu trở thành khó khăn, đòi hỏi một sự sắp xếp lại tốn nhiều thời giờ và công khó.

Để kết thúc tác phẩm (được in) sau cùng của Y Uyên, chúng tôi xin lục đăng "Một câu chuyện tình", viết bởi Mang Viên Long, một người bạn thân cũ của người đã khuất. Cái chết của Y Uyên đã kết thúc một chuyện tình, một kiếp người, và đau đớn hơn cả, một sự nghiệp còn dang dở...

Toà soạn Tân Văn

Mang Viên Long

Một câu chuyện tình

(Viết theo sự đồng ý của chị Trần Thị Ngọc để nhớ Y Uyên)

Thị thắc mắc nhiều nhưng vẫn cố gắng thử coi sự thờ ơ của Sãi sẽ đến bao giờ mới hết. Thị đã nhiều lần tự xét, tự soi gương ngắm nghía, vẫn có kết luận là mình cũng không đến nỗi nào. Người con gái không đến nỗi xấu tệ, có lắm kẻ khen có duyên thầm thì làm sao không thể gây cho Sãi một sự chú ý, dù nhỏ như một lần đưa mắt nhìn khuôn mặt trang điểm, tà áo dài màu lụa vàng Bangkok. Và Thị vẫn chờ đợi ngày anh chàng này chịu để mắt, mở miệng.

Đã gần một tháng Sãi về đây dạy, Thị chú ý Sãi rất thường nhưng bận nào cũng thấy ghét ghét cay đắng. Sãi đứng dung lên xe ngồi thu mình bên đường đón xe, không hề quen biết, không muốn bận tâm với sự có mặt của những người ngồi ở đó, trong số này có Thị. Có Thị nao nao chờ gặp mặt Sãi, nao nao tìm từng ánh mắt liếc nhìn nàng. Một tháng rồi, một tháng thất vọng, Thị bực tức nghĩ rủa trong bụng, xì cái anh chàng làm bộ vừa vừa chứ. Thị mỉm cười với ý nghĩ khi mô chịu mở miệng thì sẽ làm cao. Phải bắt anh chàng năn nỉ, hay ít ra cũng nằng nặc đòi theo mới bắt đầu tính chuyện. Nhưng cái ngày đó không đến, lâu quá, sốt ruột vô cùng. Ngày mà Thị hy vọng nhất là lúc Sãi vừa đến, chỉ còn chỗ ngồi cho Sãi bên cạnh Thị. Sãi ngồi vào chỗ dành cho mình không bận tâm. Xe rời bến, Thị nhìn Sãi chăm tiếp một điều thuốc, rồi nhìn Diệu cười ra mặt giận. Giận cái anh chàng làm cao, và thấy ngượng với những lời trêu chọc của bọn Diệu. Hễ vừa ôm cặp vào đến phòng là cả bọn Diệu, Ngọc, Nga, lao xao hỏi ngày hôm nay có tiến bộ gì khả quan không. Và tiếp theo đó là sự im lặng chịu trận của Thị, những lời nói ỡm ờ chọc tức Thị hơn. Khi xe queo vào một đường phố để tiến ra quốc lộ, Thị thấy mình có nhiều thì giờ để chờ đợi và có quá nhiều hy vọng để bắt anh chàng để mắt mở miệng. Hơi gió từ phía dưới cánh đồng dọc quốc lộ thổi mạnh dạt dào, con đường rộn ràng xe cộ ra vào thành phố. Thị đoán Sãi đang chú tâm nhìn từng toán người đi ngủ dưới phố ùm bọc về nhà, từng xe ngựa chở đầy khách ở miệt Hoà Trị, núi Sầm với gánh mẹt và hoa quả xuống chợ. Càng đoán ra công việc nghĩ ngợi của Sãi, Thị thấy tức tức sao đó. Lần đầu trong đời nàng, đã chờ đợi quá lâu với một người con trai. Có khối anh chàng rầy rà, có khối anh trồng cây si ở ngõ, ở sân từ lúc còn học Sư phạm ở Quy Nhơn, và ở phòng trọ này của bọn Thị nữa. Như một giống bắt hơi thạo, lúc bọn Thị vừa thuê phòng trọ chưa hết tuần, đã có lũ lượt anh em ngày đêm túc trực đập diu thực vui. Nhưng với Sãi, anh chàng này làm bộ quá đi. Và Thị không biết sao mình yêu cái anh chàng kỳ cục này cho khổ. Để bọn Diệu có công việc làm lúc rỗi, đỡ buồn.

Xe chạy nối đuôi với đoàn xe GMC Mỹ qua cầu Sông Chùa. Phía sau, những xe chở nhân công đàn bà con gái làm sở Mỹ bên Phú Hiệp, Đông Tác đầy nhóc. Chú Mỹ hung hãn rú ga cho xe trở tới sát xe Lam của Thị, và Thị cố tình tỏ rõ nỗi sợ. Tỏ rõ nỗi lo với Sãi coi anh chàng này sẽ nói sao, nhưng Sãi chỉ nhìn vội chiếc xe của chú Mỹ như thể coi thử có đụng vào thực hay chưa, rồi lại đầu vào đó cả. Nghĩa là Sãi cứ tỉnh bơ, tỉnh bơ đến phát ghét. Diệu đã nhìn Thị cười cười, con khi lúc nào cũng cười cười được.

Mười phút kẹt cầu, chờ tám đồ quay đi, Thị nghĩ ra một quyết định, xét ra cũng kỳ kỳ là mình cứ để

vạt áo dài bay đậu lên người Sãi lúc xe qua cầu. Chiếc cầu dài hai mươi một nhịp sẽ bị cấm hút thuốc, Sãi hết việc làm và nghĩ ngợi viên vông. Lúc đó sẽ nghĩ về tà áo dài mới của mình. Thử coi anh chàng làm gì cho biết. Cầu dài gió mạnh, chắc chắn tà áo sẽ bay cuốn vào người anh chàng. Thị một lần nữa lại mỉm cười với cái ý nghĩ kỳ cục này. Khi yêu, người ta có thể làm một chuyện kỳ cục một chút có sao đâu? Trong khi đó chuyện kỳ cục này lại thành thực và ngây thơ. Thị bỗng như lần đầu trong đời bắt gặp những ý tưởng trong sáng khi nghĩ về một người tình, và bối rối trước tình yêu. Điều này làm nàng thấy vui vui trong thế giới chờ đợi, thấy nao nao trong sự hờn ghét vu vơ, vô cớ. Người lính gác ở bốt đầu thối còi, quay tấm bảng đỏ, thay tấm bảng sơn trắng. Xe vội vã nổ máy, nhưng rồi nép sát bên lề, nhường cho xe Mỹ. Xe Mỹ lúc nào cũng vội vấp hung hãn như thể muốn cất cánh bay cao. Có quá nhiều lần Thị đã chứng kiến cái cảnh tai nạn bên đường của những xe Mỹ gần mấy tháng về dạy ở Phước Bình. Xe bắt đầu vào nhịp thứ nhất, gió lộng thổi siết không ngờ. Sãi nhìn băng quơ ở bãi cát khô nước bày ra một vùng trắng mịn dưới ánh nắng buổi sáng sớm chói lọi. Sãi nhờ những chuyến xe qua cầu đối diện Thị, nhìn qua bờ vai nàng khúc sông bên kia cầu, và làng xóm một màu xanh. Lần này có Thị ngồi bên cạnh, tà áo dài cứ bay phát phới đậu vào mình. Sãi hạ tia nhìn xuống thật lâu trên tà áo dài còn vương bên chân, để yên. Như vậy ít ra cũng có nhìn vào tà áo dài, Thị liếc Diệu cười. Và nàng cũng để yên. Thái ngồi ở cabine ngoài lại hỏi Sãi có thấy chiếc xe Honda vừa mới trượt cầu không. Sãi trả lời ảm ớ vì Sãi có thấy gì đâu, ngoài tà áo dài Thị. Và rồi Sãi cười với Thái dễ dàng.

Lần này trước giờ ra chơi, Thị vẫn đứng ở cửa lớp chờ Sãi đi ngang lại coi thử anh chàng có mở miệng chi không. Lần nào cũng vậy, Sãi cúi bước qua như lớp học trống, đến nói chuyện với mấy người bạn. Những ông bạn đồng nghiệp già mà Sãi rất quý và thân tình. Từ bên này hiên lớp, Thị giữ gìn cái nhìn của mình cốt không cho Sãi biết nàng để mắt, quan sát Sãi. Cái dáng đứng dựa vào vách co ro, cái dáng hút thuốc chậm rãi, cái dáng bàn chuyện không động tác, cái dáng nào cũng đáng ghét và tức hết thầy. Thị bỏ vào bàn ngồi tìm mảnh giấy viết loằng ngoằng những chữ, không ra chữ nào. Mãi cho đến lúc tờ giấy biểu lộ rõ ràng nổi tức giận, ghi đậm từng nét chữ quanh co nhì nhằng khó xử, Sãi đi về lớp chờ giờ đánh trống vào lớp, ghé Thị.

Dù hai người gặp nhau chỉ nói về chuyện học trò, học trò quá kém, học năm nào trả cho thầy cô năm đó, học trò khổ cực về nhà mổ bò hái củi, học trò chạy giặc lớp học trống thêm, học trò và học trò. Sau cuộc nói chuyện không tóm tắt được câu nào, chữ nào, nghĩa là nó cũng y như tờ giấy trước mặt nhưng Thị không thấy còn nổi ẩn ức, khó xử nữa. Như được thoả mãn ước vọng bấy lâu, lúc vào lớp Thị tỏ vui với bọn học trò. Và sai đưa học trò đội trực mang gói thuốc của ông thầy lớp ba bỏ quên đem trả.

Sự thể chỉ có như vậy đến một tuần sau khi Thị đã bắt đầu nghĩ về những dự đoán của mình thì đúng một cái lúc tắt cả xuống xe về nhà vội vã vì xe kẹt bên kia cầu quá lâu, Sãi ngỏ ý mời Thị và hết thầy vào quán ăn cho vui. Vị nào có cần gấp việc gia đình có thể thông thả ra về. Thị đòi về, nhưng nghĩ bụng, sao không mời riêng một mình mình? Thị có cơ hội làm cao, phải làm cao mới được. Thị bỏ đi dù Sãi đã tỏ ra mở miệng. Cuối cùng Sãi vào quán nhờ Thái ra nói hộ mình, tất nhiên là Thị nghe lời. Thái vô tình là một nhân vật có mặt trong cuộc tình của hai người. Cả hai đều quý Thái còn ở nhiều chuyện. Thị thì quý vì lòng ngay thẳng chân thật, trong lúc Sãi thường những câu hỏi phân vân. Lúc Thị bước vào quán nàng có ý dò xét những cô bạn đồng nghiệp hơn là để ý đến Sãi. Sãi, vui vẻ đọ, giờ này cô về đến nhà thế nào cũng bị đói, đâu có để dành.

Những buổi sáng sau này ra đón xe với Thị là một điều nóng lòng chờ đợi. Nàng thì nóng lòng còn Sãi thì bước chậm chạp. Từng bước của những suy tưởng mông lung về nàng mà nàng đâu có biết. Không khí xe qua cầu có vẻ vui vui hơn xưa. Sãi đã để mắt nhìn Thị, và để tai nghe những âm thanh rập rình của những thanh gỗ chao đi theo làn bánh xe. Buổi sáng trong mát hơn lúc xe chạy vào con đường đất giữa những đám ruộng đến trường. Tiếng động vắng, ít xe, Sãi cũng đã để tai nghe những câu chuyện ngộ ngộ của Thị với Diệu, với mình. Riêng Sãi thấy có nhiều an ủi và thư thả trong những ngày chờ vào lính.

Thị viết vào một mảnh giấy nhỏ, đại ý nhờ Sãi kẻ hộ câu khẩu hiệu, rồi sai học trò mang đến. Nhận giấy đọc xong Sãi bỗng cười phẩn khởi. Lại bắt đầu một chiến dịch viết thư cho tình duyên thêm phần sôi nổi, Sãi xin học trò mảnh giấy viết hỏi âm: Ông thầy lớp ba làm gì kẻ khẩu hiệu được cho bà cô lớp nhất. Nhưng sau cũng phải y lệnh, nhưng là ông thầy Thái phải đem sức lao động ra mà

làm thế. Thị hiểu được rằng, Sãi đã yêu mình rồi, không nghi vào chỗ nào được: Anh chàng đã biết nghe lời.

Có thể nói Sãi bước quanh tình yêu thì chậm nhưng đã vào thì có cơ phát triển mạnh. Cái chậm nó làm nền cho những việc sau này, tiến mau, vững chắc. Sãi đã dẫn xác tới nhà trọ của Thị mỗi chiều với gói bánh tai voi. Bọn Diệu, Ngọc, Nga... có dịp cười cười. Thêm cho Thị một ngại ngùng, xa vắng. Thị cũng trở lại nổi yên ổn sau đó với Sãi, nàng hát bản Chân trời tím, Căn nhà ngoại ô... trong lúc cả hai chưa có thể nói với nhau lời nào đã định trước. Sãi không mấy khi nghe loại nhạc này, nhưng lần này thì Sãi chú ý. Chú ý cái giọng của Thị, Sãi nghĩ, chỉ nghe cái giọng cũng đủ hay chán.

Một buổi sáng Chủ nhật, trời đã cuối đông nhưng cái lạnh và sương mù vẫn còn vây kín thành phố, Sãi dậy sớm muốn gặp Thị để nói chuyện cho ấm. Lúc đến Ngã Năm, Sãi dừng lại bên chiếc xe bán bánh bao mua bốn cái. Lúc Sãi hỏi bánh bao làm bằng thịt gì thì bà chủ quảng cáo về cái bánh bao hết mấy phút, và đính chính các nguồn tin đồn là bánh bao thịt chuột hết mấy phút nữa. Sãi ghé vào lúc Thị đã thức, ngồi hát Chân trời tím. Sãi ngồi vào ghế nói bây giờ là chân trời mù sương, cô có thấy? Thị cười huê, hỏi lại anh cầm gói gì thế? Sãi chia gói bánh bao cho Thị, bắt ăn. Ăn cái này khỏi đi ăn sáng, ở nhà nói chuyện. Bọn Diệu cười rúc rích sau tấm màn, Sãi bảo Thị chia bánh, lẽ tất nhiên con gái phải e thẹn, ai mà ăn. Chỉ có Thị và Sãi ngồi ăn với nhau. Sãi ăn uống tự nhiên như Thị là người yêu từ muôn đời nào. Và nghĩ cười cho bọn bạn Thị cũng có mỗi người một người tình sắp đi xa, đang lảng lảng cảm giác. Cuộc tình hai người có vẻ tiền triển khả quan, không ngờ đã đến hồi nhắc lại chuyện cũ. Chuyện những ngày đầu, Thị kêu Sãi làm cao, làm bộ khỏi ai bì. Sãi dầm thắm bảo mình thực tư cách? Anh có tư cách không? Những tiếng cười đem Sãi gần Thị hơn, chẳng hạn như hai tay nắm vào nhau, những nụ hôn trên tóc.

Thị đưa Sãi ra đường trở về, Sãi hẹn buổi tối đi hóng gió mùa đông một chút, để cùng ăn hạt dưa chờ Tết. Thị trả lời nửa vờ, nhưng ánh mắt Thị cho Sãi niềm hy vọng. Lúc Sãi vào tới nhà, bà chủ nhà trọ lên tiếng hỏi phải thầy lên nhà bà cô giáo không. Sãi cười. Nói chuyện quên cả ăn uống vậy cả?

Hai người đi dọc theo con đường Phan Đình Phùng ra đoạn đường ít tiếng ồn và ánh sáng. Câu chuyện ban đầu vẫn là phần nhập đề, Thị vui miệng hát bản Chân trời tím. Lúc đến cạnh chùa Bảo Tịnh, Thị chuyển từ nhạc tình cảm người lớn sang nhạc tình cảm con nít. Món sở trường của bà cô lớp nhất, trong lúc Sãi dốt về vấn đề này. Má em hùng đông đi cày bừa, tía em hùng đông đi cày bừa... Má em là một người nông dân, tía em là một người nông dân... Thị ngâm thơ níu bờ rào, nhìn qua bên kia nóc giáo đường, cười nao nao. Sãi nhìn Thị xúc động như vừa viết được đoạn văn ưng ý, tìm được cảm giác lạ. Thị thổi hát, kiếm chuyện kể trên con đường số 6 dày bóng dương, riêng biệt và mát mẻ. Nàng nói đến chuyện đêm hôm qua tình cờ thức giấc, nghe Ngọc nằm mơ hát ú ở A a a ở kia con ve, suốt mùa hè rè rè re re. Sãi để nàng thong thả kể, mình thong thả nghe; nghe xong mới nói:

"Thị tưởng tượng khéo lắm, ham ngủ như em, sức máy mà nghe người khác nằm mơ?"

Thị không thấy giận nhưng cũng làm bộ giận. Dễ thương hề yêu nhau, càng giận càng thương đó chứ? Thị làm thinh đi từng bước bên Sãi, như tách biệt. Sãi bèn cho uống thuốc an thần:

"Đâu chỉ riêng gì em ham ngủ, cả thành phố này cũng vậy nữa, đại bác trên Tháp chĩa vô tai bản thân đêm mà cũng ngáy khò khò đó sao?"

Và Sãi cao hứng đọc bốn câu thơ, không nhớ của ai:

Vỡ đôi trái đất một đêm sâu,
Nửa mảnh vắng đi hoá nguyệt cầu.
Trên đó người yêu tôi vẫn ngủ,
Mơ màng có biết chuyện chi đâu!

Em có thấy ngủ nghe như thế là lì nhất thế giới rồi còn gì?

Nghe xong, Thị đã tỏ sớm biết điều là không bắt Sãi năn nỉ, nói cười trở lại, còn Sãi mới nhớ lại gói hạt dưa mua bỏ túi từ chiều. Nhờ Thị cầm gói hạt dưa, Sãi mò tìm điều thuốc gắn lên môi. Thị lại nhớ tới ý nghĩ chưa nói với Sãi về vài cái tật của chàng. Thị cười cười bảo anh viết sách, anh có nhớ

tới con đằm con xì không? Hay là tay viết mà đầu óc cứ nghĩ tới mấy con đó? Sãi mong được nghe những lời đó, ít ra cũng tỏ ra Thị đã nghĩ lo cho mình, và Sãi biết được những ý nghĩ của Thị không có giấu giếm. Sãi hút nhẹ một hơi thuốc, giọng nhỏ hẳn:

"Em có nghĩ là con người phải có một thói quen nào đó để trở thành xấu hay tốt không? Nói rõ hơn, phải có một công việc đeo đuổi để trở thành tốt hay xấu không? Với anh, được coi như đứng về phía những người sa đọa, hư hỏng, anh muốn sống đủ, để được nói đủ cho thể hệ của anh. Ngoài ra, anh vẫn sống với một cuộc sống có ích, có tư cách và danh dự..."

Thị im lặng như một sự chịu lỗi, nhưng vui với lời giải đáp bấy lâu chưa tìm ra. Sãi nói tiếp, em hãy nói hết những ý nghĩ về anh, để lũ mình gần nhau hơn. Bất cứ những việc gì có liên quan tới hai đứa, tới tình yêu... Thị nhớ lại một chuyện trục trặc trước đây khi Thị cho Sãi một tấm ảnh theo lời đề nghị. Tấm ảnh đó vô tình được mấy ông bạn đồng nghiệp nhặt được trong tấm veste lúc Sãi đánh bài bỏ lại nhà người bạn. Tin tức tuy nói là giữ bí mật, nhưng lại loan đi nhanh hơn bất kỳ tin gì. Bọn bạn Thị nghe được cấp báo cho nàng, nhưng rất may tấm ảnh vẫn còn giữ lại trong tấm áo của Sãi. Sãi đến, Thị giận. Và nghĩ tầm bậy. Nghĩ đủ thứ lý do, nhưng không biết tới cái lý do Sãi đã đánh bài, vì con đằm con già, bỏ quên áo veste. Sãi buồn buồn hỏi:

"Anh có thể nói chuyện với em như trước chứ?"

Thị không giữ được nổi hờn:

"Ảnh đâu, cho em coi?"

Sãi móc túi sau đưa ngay ra:

"Đây".

Thị lấy cất luôn, Sãi đón được ý, nhưng cũng là ý sai, Sãi bỏ về.

Mấy ngày sau vắng bóng Sãi, Thị hoảng quá, chờ lên trường. Thị tìm cách đến phòng dạy của Sãi, lời nói ướt mềm nũng nịu:

"Anh cho ai xem ảnh em?"

Sãi mới nghĩ tới cái ý mình nghĩ hôm nọ là không đúng, không ngờ cái lý do những người bạn đồng nghiệp xem hình trong áo veste lúc bỏ quên có thể đúng bất ngờ, Sãi nói giọng thực nhỏ:

"Em tưởng anh tầm thường như vậy à?"

Lúc đến gần một cánh đồng trống, Sãi kêu quay lại. Con đường số 6 tràn ngập hơi gió lạnh, cực lạnh, Thị đi nép bên Sãi. Sãi đưa chân đá những chiếc lon nằm dọc đường. Âm thanh nghe vui, và ồn trong cái vắng của những cửa hàng sắp đóng cửa. Sãi chợt nghĩ, có em anh không còn mê con đằm con già nữa.

Sãi được lệnh trình diện đi lính khoá 27, ngày cuối từ già trường Sãi đã bắt đầu thấy cái không khí chộn rộn lo Tết của trường, tiếc không được ở bên Thị trọn vẹn những ngày chộn rộn đó. Nhưng để bù vào, Sãi và Thị đã trốn bạn bè, học trò, ăn Tết trước với hạt dưa, bánh tai heo, mứt hạt sen và bánh bao thịt chuột ở một khoảng vườn gần trường. Tết chỉ riêng của hai người, thực khó kiếm. Trong dịp này, Sãi đã nói với Thị điều đã nghĩ từ lâu: Anh sẽ gắng viết sách in thành tác phẩm để mua hạt dưa, bánh tai heo và bánh bao thịt chuột cho lũ mình đón Tết.

Nói là từ già trường, nhưng từ già Thị, Sãi thấy khó quá. Gặp một nỗi giận bất ngờ trước những ngày cuối gần kề (như thể tình yêu là chứa toàn giận hờn tiếp nối), Sãi bỏ vào Nha Trang để có nơi mà đi, để khỏi bận tâm đến Thị, nhưng thấy không thể chạy trốn. Chạy trốn cái gì còn được, khó lòng chạy trốn tình yêu. Từ trước Sãi đã giữ cho mình quân bình về mọi mặt, ngay trong những vấn đề bài, nhưng với hình bóng Thị, những ý nghĩ về nàng khó mà dứt bỏ. Vào Nha Trang không tìm thấy gì ngoài những bút rứt không nguôi. Tĩnh tâm, Sãi phải cười về sự kỳ cục lắm cảm của mình. Một trong những gặp gỡ làm Sãi nhớ là lần ghé đến thăm nhà văn Võ Hồng ở đường Hồng Bàng, cùng đi với một cậu học sinh quen ở Tuy Hoà. Lúc nhận ra nhau, ông bạn văn luống tuổi này đã nói về sự bẽ bộn của công việc nhà vì con sen mới bỏ đi, chưa thuê được người giúp. Sãi bảo, những kẻ độc thân như Sãi chẳng hạn, lại bê bối về vấn đề nhà cửa gấp bội. Nói chuyện vui về một lúc, lúc ra về Sãi nhớ mãi tiếng cười và sự an lành của gia đình này. Và có dịp hình dung một ngôi nhà của mình, có Thị.

Đi đâu rồi cũng trở về, giận hờn chán rồi cũng thắm thiết hơn xưa. Đó như một định luật. Định luật của những người yêu nhau và ngỡ mỗi tình của mình là mỗi tình đầu tiên trên đời. Lại những cái hôn trước ngõ, Sãi đưa Thị đi một vòng phố lúc phố thực vắng. Cũng để làm giàu cho kỷ niệm, và

để cho bạn bạn Thị có nơi để nghe những lời từ già của người tình. Sãi mua bánh bao thịt chuột, và hạt dưa. Hai kẻ yêu nhau lang thang trên đường phố vắng, thấy thực lãng mạn, nhưng có thực. Sãi tìm những cái lon giữa đường đá mạnh cho có tiếng vang. Đi lan man nói cười trong những con đường vắng, nhưng Thị vẫn buồn cho lần ra đi này của Sãi. Sự xa cách để làm cho lòng người yêu đuối. Sãi cũng thấy vậy và bồi hồi thương xót Thị. Trong cuộc tình này, Sãi vẫn nghĩ mình là người được nhiều an ủi, và mong muốn Thị được vui trọn vẹn.

"Anh đi sẽ mạnh giỏi nhưng Thị sẽ phải vui nghe không? Cấm không được buồn".

"Làm răng không buồn được?"

Nghe câu nói này với giọng ướt sũng nước mắt, Sãi lại nghĩ chính mình sinh ra để làm khổ kẻ khác. Sãi thực tình không muốn chút nào Thị sẽ phải cùng chịu những khó khổ của đời mình. Sãi không muốn những giọt nước mắt thấm vào những kỷ niệm của hai đứa, kéo Thị vào quán hội mua những cây pháo bông quần giấy lòn lẹt. Sãi chia cho Thị, bật đèn đốt sáng. Con đường tối, ánh sáng hắt ra từ hai cây pháo bông vàng nghếch như nghệ, trông khuôn mặt hai đứa ngô nghê lắm thì phải. Quả thực Thị ngô nghê và ngây thơ như những đứa học trò. Lúc lên đến sân ga, gió gắt hơn, và trời tối thui, Thị sợ nép sát vào Sãi, tiếc những cây pháo bông vừa đốt nếu để dành được vài cái.. Như vậy là Sãi đã dời ngày đi Sài Gòn đến lần thứ hai. Đêm cuối đến từ già Thị, Sãi có ý định ngày mai sẽ dời ngày đi lại một lần nữa nhưng thấy không ổn. Rồi cái ý định lên xích lô để được nói những lời từ già cuối cùng cũng không ổn nốt. Sãi ngồi ở kệ đá ngoài hiên với Thị, dành căn nhà cho bạn bạn Thị nói cười. Tiếng ồn vọng ra với những lời ca trêu ghẹo vu vơ làm Sãi thấy thương Thị quá mức. Thương cái tội nghiệp ngây thơ, và nỗi buồn của nàng. Ngồi với nhau một hồi, ăn hết gói hạt dưa, Sãi căn dặn Thị như thể dặn dò một đứa em gái, còn quá nhỏ. Thị cũng căn dặn Sãi như thể dặn dò một đứa em trai, quá nhỏ. Khi yêu, Sãi nghĩ, người ta có quyền muốn người yêu nghe theo những lời mình, kỹ lưỡng và bắt buộc. Có vậy tình yêu mới ra tình yêu, em có cần nói những gì để nhấn nhủ anh nữa thôi?

Thị vào lấy thêm một tấm hình trông rõ hơn để tặng Sãi trước khi Sãi về. Sãi nói anh sẽ nhờ người bạn họa sĩ vẽ cho em một cái khi vào đến Sài Gòn. Cái hôn đầu ngô dãi như không bao giờ dứt. Tấm áo len đỏ êm ái trong hơi thở, và những chiếc vòng bạc nơi tay Thị cũng reo bên tai.

*

Vào đến Sài Gòn trong những ngày chờ vào trại Sãi đã thực sự nhớ lại tỉ mỉ một mớ ngổn ngang những kỷ niệm, nào bánh tai heo, bánh bao thịt chuột, vốc hạt dưa, những chiếc lon thiếc, áo len đỏ vòng bạc, những bản tân nhạc cải lương, và chiếc hôn đêm cuối già từ quá dài. Từ đó, Sãi nghĩ rằng chỉ có mùa đông này Sãi đã sống thực trọn vẹn và vội vã. Sãi tiếc những tháng ngày gặp Thị quá muộn màng, quá nhanh chóng. Cái nhanh ám ảnh Sãi hoài trong những giấc ngủ trưa từng miếng mộng và vùi với hình dáng Thị ngẩn ngơ, với giọng nói chi mô nghịch ngợm. Và Sãi cũng thực sự quên hẳn những lần Thị chọc tức mình với những câu nói úp mở, những con già con đầm, và một mớ những hình ảnh lộn xộn bông đùa.

Sãi ngồi hẳn dậy nhìn ra khoảng đất trống dày bóng cây bên cạnh nhà thấy nỗi yên tĩnh này dễ gợi cho nhớ Thị. Và lòng bồn chồn thương nhớ. Có thể nói ký ức Sãi lúc này hoạt động mạnh, lòng nghĩ thầm, Sãi phải viết tới ít chục lá thư mới xài hết những kỷ niệm. Sãi thấy hãnh diện. Và tới bàn viết tiếp cho Thị lá thư thứ tư, trong những lá thư chờ ngày vào lính.

Sài Gòn, ngày 10 tháng 1 năm 1969

Thị,

Định hôm nay đi nhưng bạn bè bắt đầu xuất hiện, gặp mặt đành nấn đá ở lại. Đêm qua đi coi một phim đầu tiên từ hôm về Sài Gòn. Phim hiêm và hay. Sáng nay ngủ tới 10 giờ nên hiện giờ hết buồn ngủ trưa, ngồi viết thư số 4 cho Thị (số 4 có nghĩa là thứ tư 13/12, cũng có nhiều nghĩa khác nữa. Cứ chờ mắt lúc thực sáng, nghĩ sẽ thấy rõ tức thì). Nghe nói 22/1 khoá mới khai giảng, vì vậy trong khi chờ đợi, Thị gửi thư theo địa chỉ ngoài bao bì. Mong đến độ nóng ruột. Hãy viết liền cho anh và nếu có thể viết dài như những vòng "luân hồi" hai đứa đi mỗi đêm. Hồi sớm nằm trên giường, nghe một giọng nữ trong máy thu thanh hát "Tía em, má em..." bỗng nhớ lời Thị hát, cười lúc lữ mình vừa đi đến một ngôi chùa Cát. Tự dung có một ý nghĩ thực ngông, có một giấc mộng nghe thực

ham: Từ giờ tới Tết chắc sẽ gặp Thị ở Sài Gòn. Nhảm quá phải không? Nhưng dù sao cũng có những hình ảnh đó trong đầu: Thị, Thái, bọn Diệu ... Như vậy cũng là một đời sống. Đời sống không thực tế nhưng có thực. Gán ý xấu, đó là ảo tưởng. Ghép cho nghĩa tốt, đó là tình yêu, phải vậy không? Nói theo... loại sách "học làm người": Đời, ai không sống bằng tưởng tượng? Nếu không tưởng tượng sao có ngộ nhận, những lầm lẫn về mình, về người khác? Nếu không có tưởng tượng sao có được văn hoá, con người văn minh? Thôi, nói chuyện sách vở miết, lại cười ngất như nói chuyện âm nhạc hôm nào nữa. Những thứ đó bề sâu (chữ của Thị) không bao giờ vượt quá cái bề dày vật chất của nó, nói đến cái lon đá lăn long lóc trên mặt đường nghe còn vang nhiều âm điệu tình cảm hơn.

Chiều nay ngồi viết cho Thị và vài người bạn ở Tuy Hoà, nghe tiếng pháo xung quanh bắt đầu nổ nhiều hơn. Như Tết đã tới. Cái Tết miền Nam khô nóng quá nghĩ thấy nhảm. Cái Tết miền trung lại có vẻ thu hẹp, đơn chiếc quá. Đó là ý nghĩ thực chủ quan của anh lúc này. Dường như chỉ có cái Tết ăn hạt dưa, ăn bánh bao của tụi mình vừa qua mới thực là Tết, thực dân tộc tính (?).

Nhớ viết đều cho anh và gắng nói cho rõ ràng mình bạch, miễn dùng "chi mô đó" để bắt anh tứ thời phải làm bài tập ngữ vựng tìm lời thích hợp mà điền vào các chỗ trống cho hợp nghĩa?

Thương Thị.

Anh

Sãi vừa bước vào ngưỡng cửa chị Tẩu đã hỏi sao cậu tính hôm nào mới chịu vận đồ lính, húi tóc ngắn. Sãi cười nói bạn bè mỗi lúc một xuất hiện, thấy chưa yên tâm để cời đồ dân sự. Chị Tẩu đã tỏ theo dõi và thường chịu Sãi mọi việc y như Sãi còn bé tí. Từ món ăn Sãi ưa thích, cái mặc Sãi nhờ may, và những mâu thuẫn khó nói trong lòng cần thổ lộ cho nó vơi đi đôi chút. Sãi vẫn thường sống kín đáo, nhưng cái kín đáo đó được thông đồng một cách rất thông cảm của chị. Do đó, chiều qua sau khi viết thư xong cho Thị, Sãi đã ra sân ngồi dưới tàn bóng cây mát nhìn ánh nắng chiều phía ngoài vườn cây, cùng chị Tẩu nói chuyện. Dĩ nhiên là chuyện về Thị, và hai tấm ảnh. Có mối tình nào giữ kín cho riêng hai kẻ yêu nhau đâu? Như khi yêu phải được có người tâm sự để càng thấy yêu thêm và hy vọng. Sãi đã tỏ lăm lờ cả kẻ về thiên tình cảm nồng nàn này của mình. Sãi bắt chị nghe chuyện những chuyến xe qua cầu Đà Rằng, những buổi sáng tới trường, những đêm lang thang đốt pháo bông khắp ngã phố, những lời ca Chân trời tím thiết tha... Nói tóm, Sãi vợ được chị Tẩu để chia sẻ nỗi nhớ thương mông lung của mình. Như chị Tẩu phải dành cho Sãi những buổi chiều vắng bạn, ngồi dưới tàn bóng cây, nhìn cây hoa trước ngõ, nhìn ánh nắng sau vườn, mà nghe kể chuyện Thị. Chị Tẩu vẫn thường thích thú trong những lần tham dự những gặp gỡ như thế với Sãi, để mong em vui, và mình vui với em. Cuộc sống vì thế giản dị và mật thiết mà mỗi lúc xa nhà quá lâu, Sãi thấy nhớ, nhớ vô cùng.

Cuộc nói chuyện tình đang ở hồi sôi nổi thì Khuê vào với tiếng nói cười ồn ã. Có bạn có bè tất có đi rông, dạo phố, Sãi hăm hở sửa soạn đi với Khuê như đã có hẹn mà ngồi chờ. Sãi nghĩ, mình phải đi thêm để có cái viết cho Thị đọc, và cũng để chân căng được tự do thoải mái trước hàng kẽm gai buộc đôi chân từ bỏ những thói quen động dậy lang thang. Những lúc nhớ tới Thị, Sãi thường tìm một công việc làm. Đi lang thang như thế có dịp gặp Thị bất ngờ ở đâu đó, trong làn sóng người chen chúc sắm sửa Tết.

Đi và ngủ lại nhà người bạn đến trưa Sãi mới mò về nhà. Ở nhà, Sãi như con chim quen thói, bay đi xa rồi lại trở về lồng. Chị Tẩu hỏi lại cậu tính bao giờ đi làm quan, Sãi nói đi làm quan bắt đẽ dĩ nên cứ nấn ná ở nhà viết thư cho cô giáo đốt văn phạm. Nhớ lại kỷ niệm cũng là một cách tỏ yêu thương cao độ đó chứ? Sãi ham viết thư đến nỗi mới giải áo ra, đã mò cây viết. Chị Tẩu nhìn Sãi cười. Viết xong thư và bì thư Sãi nghĩ đây mới thực là lá thư cuối cùng trong những ngày chờ vào lính. Và ngày mai chuyến thư Sài Gòn sẽ đi Tuy Hoà để Thị đọc từng câu, từng đoạn trước giấc ngủ.

Những ngày vào đến quân trường cái đầu đã húi cao trông kỳ kỳ, bộ đồ rộng dày mang vào mình, Sãi chưa nghĩ là mình thực sự là lính. Và bắt đầu trông thư Thị sau những lần đi tập ở bãi về, chạy ào vào phòng tìm thư. Sãi vốn không ưa thích một nghề gì nên chuyện làm lính không hấp dẫn được Sãi. Do đó, trước ngày nhập ngũ, Sãi đã nói với Thị là rất ít kể chuyện lính. Tuy Sãi bây giờ trông vào là biết lính thực: Quần áo xóc xếch, còn mặt mũi cũng sạm đen.

Lúc Sãi đang tìm giấc ngủ vội vàng trước giờ đi tập thì được người bạn cùng phòng gọi dậy, có thư.

Sãi ngồi chồm dậy, tỏ vui xôn xao. Cầm thư mới biết không phải thư Thị, lại buồn. Đọc nốt lá thư, thư của một độc giả gửi tới, lại nằm xuống ngủ. Sãi nghĩ từ lúc gặp Thị, yêu Thị, Sãi có những cái kỳ cục buồn cười hết sức. Như nhỏ lại, và thơ ngây. Giấc ngủ đến thực mau không ngờ.

Nghe tiếng cười nói ồn ào nổi lên trong phòng, ngoài hiên, Sãi thức dậy theo thói quen cho một giấc ngủ trưa ngắn ngủi. Lại nghe người bạn gọi có thư, Sãi ngơ ngác phân vân sao một ngày lại có đến hai chuyện thư. Lần này thì thư Thị. Thư này được người bạn lấy ở tiểu đoàn. Chờ giờ học, Sãi ra sân tìm một bóng mát vắng đọc thư Thị.

KBC 4100 ngày 1.6.1968

Thị,

Trưa nay ngủ dậy thì nghe gọi có thư Thị, anh phải "hồi lộ" cho người bạn mới được đọc thư Tuy Hoà. Thị có mừng tượng được những lá thư để trên đầu giường đi đâu về bắt gặp bắt ngờ, và những lá thư sau một giấc ngủ nặng nhọc buồn phiền không? Lần này mới có thư nặng trọng lượng một tí và là thư kếp. Hồi chiều cầm chổi đi làm tạp dịch ở ngoài khu nhà tiếp tân (sửa soạn để mai Chủ nhật, thân nhân SVSQ tới thăm) quét phòng xong, ra ngồi bãi cỏ đọc thư, lần thứ hai. Và đang ngồi bên mớ súng ống gác đêm ở trong phòng học, đọc thêm lần nữa để thương thêm nỗi nhớ xôn xao sửa soạn ra đi của Thị. Thị đi có một mình và trước khi đi (9 giờ 30 phút sáng) còn gắng viết cho anh. Thương và thương thêm mãi ở chỗ đó. 9 giờ 30 phút sáng ngày anh đi, đâu có phải lủi thủi như Thị, phải không? Anh đã viết một thư về Huế cho Thị, và sau đó, hôm 28.5 có người bạn về Tuy Hoà, dù rất bận, anh đã lợi dụng cơ hội ngàn năm một thuở đó, nhờ Thái mua giúp một cái ví Bangkok để người bạn này mang ra cho em gọi là một chút kỷ niệm những ngày anh ở trong này. Anh nhớ Thị có về Huế cũng vào cỡ đầu tháng (chờ lĩnh lương, chờ máy bay), không ngờ Thị đi sớm thế. Như vậy, chắc người bạn ngoài đó sẽ gởi ra Huế. Mong là Thị sớm có mặt ngoài đó để biết mặt mũi cái ví với màu sắc lòe loẹt (màu sắc của chùa chiền xứ Thái) cổ kính đó ra sao? Có tò mò muốn biết tại sao anh thích chiếc ví Thái Lan? Dễ hiểu, nếu Thị nhớ là những chiếc áo soie Thái Lan đã có hồi anh ưa thích. Trang vừa rồi là anh... kể chuyện - một trang phần anh - trang này là trang anh hỏi han - một trang của phần Thị - Thị có vẻ hơi lúng túng hoặc hơi đắn đo khi nói chuyện về thăm nhà. Và sau đó lại là những hàng chữ dập xoá. Giọng thư này làm anh không tìm được tính xấu như mọi khi, tò mò... đọc cho ra những chữ bị bôi xoá đó. Đường như Thị nói "yếu đuối" sao sao đó (tha lỗi cho anh). Và tự nhiên là anh phải nghĩ ngợi, mơ hồ thấy có lỗi với Thị. Lỗi đã yêu em chẳng hạn. Điều đó anh có thể nói được điều Thị nghĩ mà không sợ anh buồn hoặc em cảm thấy bị xâm phạm. Trước sau anh chắc chắn được điều này: Bao giờ anh cũng yêu, quý Thị. Vì vậy, đừng dồn nén xúc động làm chi cho tội, cứ viết như Thị rung cảm, như Thị cũng có một điều tha thiết để theo đuổi như mọi người. Trong lá thư chẳng cần bắt chân cẳng chạy lung tung từ chuyện nọ tới chuyện kia, như một cô bé vô tư đùa giỡn với nắng, với hoa cỏ, với trời mây. Nói như vậy, anh chỉ có ý nghĩ bảo Thị nếu có vấn đề gì lo nghĩ, cứ viết với anh. Ngoài ra, anh vẫn thương những hình ảnh treo cây hái quả, ngủ vui... lộn xộn với nhau trong một thứ quen thuộc nhưng nhiều công đợi chờ. Thị biết thương cái ngơ ngác của con ngựa cô đơn, lẽ nào anh không thực yêu người tình ở lại tìm hoa tìm quả đùa chơi một mình?

Có kịp nhận mấy thư dài dài của anh không? Trong đó anh có nói không bao giờ anh ghen. Anh không ghen với nỗi cô đơn của Thị, thì bây giờ, không lẽ nào Thị ghen với... một đôi già? Anh phì cười và ngạc nhiên không ít khi nghe Thị kiếm đâu được "tài liệu" đắt giá đó. Nói cho anh nghe đỡ tò mò? Bao giờ tiện anh sẽ gởi cho em một cuốn sách có một nhân vật nói câu đó. Như vậy, Thị thêm một lần nữa hiểu anh, đừng có lộn những cái anh viết với những cái anh sống. Hơn nữa, "sợ và thêm vào ít bất mãn" làm chi cho mệt? Anh đâu có sinh ra để đánh bài?

Tới giờ, nghĩa là chỉ còn hai tháng nữa sẽ ra trường, anh cũng chưa biết cái mùi lang thang chiều thứ bảy trừ vài lần phép hồi Sài Gòn còn yên. Vậy Thị cứ yên tâm, sẽ có rất nhiều thì giờ để viết cho Thị. Cái khó là ở chỗ nói sao cho Thị cảm thấy nhớ Thị mà thôi. Thị vẫn im lìm mặc dù hầu như thư nào anh cũng hỏi thăm về các bạn cũ của bọn mình? Nói cho anh theo dõi một chút chớ.

Ra Quy Nhơn nhớ chụp hình và gởi vào cho anh. Lần nữa anh lặp lại: Chúng mình nghĩ về nhau như một điều tự nhiên thì những lo lắng cho nhau cũng là tự nhiên. Đừng chờ có thư anh rồi mới viết, đừng chờ có hình anh rồi mới chụp gởi vào. Có chuyện gì vui vui lạ lạ kể anh nghe.Ồn quá, anh ngừng. Thương buổi sáng sửa soạn và những dòng viết hồi hả cho anh trước khi ra Quy Nhơn.

Hôn em.

Anh.

Những ngày gần cuối khoá Sãi được phép về Sài Gòn đều và những cái phép đặc biệt để lo báo. Đi phép như là một ước muốn thói quen, nhiều lúc được ra giữa đường, không biết là mình sẽ làm gì cho hết thì giờ. Vậy mà cũng vẫn đi phép. Sãi nghĩ giá có Thị ở đâu đây thì những lần đòi quân trường sẽ có mùi vị. Nhiều bận xuống đến Sài Gòn, đi lơ ngơ, gặp toàn những bè bạn mặc ka-ki, rù vào quán, rù chui vào xi-nê, rù đi lông bông. Sãi cũng thường tìm về nhà dưới Gò Vấp vào những lúc mỏi chân căng, và muốn được nằm hưởng cái không khí gia đình cho đỡ nhớ. Về nhà, sờ tới những bộ đồ lúc còn đi dạy, Sãi thấy chúng lạ lạ sao đó, như một loại hàng mới nhập cảng. Phần trang điểm dân sự đặc biệt ở khoá này, coi như khó có. Và Sãi thấy chịu lời người bạn: Mình không mặc được loại áo quần nào mà trông đẹp trai như bộ ka-ki. Sãi nghĩ thêm, lười biếng như mình, mặc thứ này cũng tiện. Đi, đứng, nằm, lết... đều được cả. Trái với những lần đi phép trước, lần này, lần cuối, Sãi trở về với những nỗi lo bồn chồn, không rõ nét. Từ trước, Sãi vẫn mong có một cuộc sống nhiều nhiều thay đổi một chút, để có thêm cái lạ để viết, nên thấy không nên bị lôi cuốn bởi nỗi lo lắng của bạn bè về vấn đề đi đâu, ngành gì. Nhưng dù sao nỗi chờ đợi quá quắt đó cũng làm Sãi ít thấy yên. Điều quyết định làm Sãi vui là sẽ trở về với Thị ở Tuy Hoà trong vài ngày trước khi đến đơn vị. Và Sãi chờ đợi ngày ra đi với những dự tưởng phong phú trong đầu: Áo len đỏ, vòng bạc, bánh bao thịt chuột, Chân trời tím, nụ hôn đêm từ biệt.

*

Chị Tẩu chuẩn bị cho lần ra đi này của Sãi với nỗi hoang mang ngùi ngùi. Sãi được về Phan Thiết, lính con rùa. May xong bốn chiếc quần cộc, hai chiếc đồ hai chiếc rằn, chị Tẩu nhắc lại, màu đỏ là màu máu, cậu có nghe anh Thung nói không? Sãi cười cười, tôi ưa màu đỏ áo len. Chị Tẩu chỉ biết chịu Sãi, nhưng chị vẫn không ngớt hoang mang sao đó về chuyến ra đi của em. Khác với những lần trở về, ra đi trước lúc còn dạy học ở Tuy Hoà, chuyến ra đi với cuộc sống nhiều đổi thay bất ổn dành sẵn cho Sãi ở một miền núi rừng nào đó ám ảnh chị, rồi chị không vui mấy. Sãi bảo nhỏ với chị, tôi đi sống đời lính thú cho biết rồi chắc cũng được trở về với con nít, với cô giáo áo đỏ, vòng bạc, chị đừng có lo.

Con chim bắt đầu đòi khỏi lồng, Sãi đi Nha Trang với một người bạn trước khi đến Tuy Hoà. Vừa bị xúc động bởi quá nhiều chuyến ra đi, ở lại của bạn bè, Sãi thấy mình cũng yếu đuối, cần có Thị bên cạnh để được trở lại cái mức độ bình thường. Vô số hình ảnh lộn xộn trong đầu, âm thanh của tiếng reo vòng bạc bên tai đêm từ biệt, tiếng hát tân nhạc cải lương Căn nhà ngoại ô cũng lao xao trong trí nhớ. Dường như, từ ngày vào lính Sãi cũng chỉ sống nhiều cho ký ức thôi. Sãi cố tình để cho sự tưởng tượng hoạt động nhanh. Nào Thị áo đỏ nơi phòng trọ cũ, buổi chiều ở con đường số 6, đêm đêm lang thang ở các ngõ vắng... Tưởng tượng làm Sãi vui và nghĩ, lần này chắc sẽ có nhiều chuyện kỳ kỳ hơn.

Thị từ Huế vào Tuy Hoà một tuần trước ngày khai giảng, Sãi đến Tuy Hoà trong lúc Thị còn hưởng một tuần còn sót cho mùa hạ. Như vậy sẽ tha hồ mà nói chuyện cho bù lại những ngày mỗi đứa bị đày mỗi ngả. Sãi hăm hở, hấp tấp tìm tới Thị trước buổi chiều xuống thấp. Thị gặp Sãi kêu:

"Anh Sãi, anh Sãi mới về?"

Thị cười tíu mắt, nghịch ngợm một chút trong vẻ ngây thơ dành cho một người lính đi xa về:

"Răng anh ốm rứa? Anh viết thư nói với em mập lấm mà?"

Sãi muốn nói bằng một cái hôn, cái hôn nói được tất. Và Sãi tưởng tượng ra cái hôn chắc phải dài hơn đêm hôm ra đi, nhưng cười nói:

"Anh đã nói cái mập đòi lính sớm nở tối tàn, bây giờ anh đang ở vào cái lúc tàn. Mập một hồi, rồi đâu cũng vào đó cả".

Sãi nhìn kỹ gương mặt như có lần tản mẩn ngồi lục tấm ảnh ra xem, Sãi giọng buồn:

"Sao em có vẻ hao gầy nhiều thế?"

"Có răng không?"

"Anh lại thương hơn cái vẻ hao gầy đó của Thị..."

Vẫn mở tóc biêng chải một chút, gương mặt ngây ngô có chút hốt hoảng chưa tỉnh, dáng điệu hao

gầy gò nghếch, Sãi thương quá cái xót xa của Thị trong những ngày đợi chờ. Sãi kêu Thị đã không nghe lời dặn hãy ăn ngủ cho thật nhiều vào.

"Thị..."

Sãi nôn nao được sống trở lại cái không khí cũ, cùng Thị ra đường, cùng Thị đi lan man như những ngày mùa đông năm ngoái. Thành phố gió cát nên đã vắng thêm nỗi xác xơ thật đáng thương. Những con đường đêm tối cùng đi, cùng ăn hạt dưa, bánh bao thịt chuột còn đó với sự mong chờ kiên nhẫn như Thị. Sãi bảo, anh chỉ có hai hôm để cùng em sống lại cho những kỷ niệm và dự định. Buổi tối trở về thân mật trong con ngõ vắng sực nức hoa sầu đông. Sãi đưa Thị ghé thăm nhà trọ cũ, Sãi giới thiệu Thị với bà chủ nhà:

"Má, cô giáo của con đây này..."

Thị cười thẹn bên Sãi, chiu chặt. Thị ngồi cạnh Sãi trước hiên nhà, quá vắng. Căn nhà trước đây là nơi ồn ào của bọn Sãi với những hôm tụ nhau lại đánh bài, nói dóc và bàn chuyện chống Ty. Sãi thấy có chút ngậm ngùi cho sự có mặt, trở lại của mình, trong lúc Điều, Khuê, Ân... đã làm lính đi xa. Đã một đời xuôi ngược.

Tự dung Sãi ngồi cười cười một mình, Sãi cười cười cái vồ vập ít tìm ra nơi mình xưa nay. Sãi nghĩ, lúc này người có nghị lực mấy cũng ít giữ được cái bình tĩnh trước cuộc sống. Không sống vội không xong. Cuộc sống chỉ có hai ngày. Hai ngày là hai đêm. Lúc nghe tiếng còi thúc giục ngoài phố, Sãi đưa Thị về, giới nghiêm. Những tham lam mong đợi làm gì có thể yên với những người yêu nhau, như Sãi, như Thị trong một buổi chiều buổi tối. Sãi vẫn thấy là mình chưa nói được một phần những gì mình nghĩ, cho Thị. Cho người yêu nuôi dưỡng bấy lâu trong những giấc mơ. Con ngõ tối mù, Sãi hẹn sáng sớm mai lên đón, Thị gật đầu cười.

Ròng rã hai ngày Sãi và Thị ngồi giữ góc bàn ở nhà trọ cũ nói chuyện đến nỗi quên cả cơm nước. Ngồi bên người yêu, không ăn cũng no, Sãi thấy quả có đúng phần nào. Những bữa ăn không giờ giấc qua loa chuẩn bị cho một cuộc tiếp tục nói chuyện dài hơn, giúp Sãi tìm thấy nỗi an ủi cho ngày ra đi. Những ly nước cam Sãi tự tay ra quán mua về, để đó đến lát rồi đổ. Kỷ niệm ghi thêm cái góc phòng, những ly nước cam, gói mút hạt sen... Thành phố này quá quen với Sãi, với Thị. Sãi muốn có một sự im vắng của cái góc phòng để sống với Thị cho thực nhiều "năm phút đứng đắn" trong một ngày.

"Thị, bây giờ lũ mình không phải chỉ sống với những kỷ niệm rục rờ, mà cả với những thực tế của anh, của em..."

Tình yêu mà có vài lần xa cách sẽ làm đậm nét tình yêu hơn, đó là một cách nói mà Sãi nhắn nhủ Thị. Sãi đã dành cả buổi sáng ở công viên chờ giờ xe chạy, để nói với Thị những câu dặn dò hơn yêu thương. Chứng tỏ đã có nhiều nỗi lo trong lòng cả hai. Và cũng bắt đầu cho những chua xót phải có trong những cuộc tình. Sãi thấy lòng mình lại nao nao như lần trở về, như vừa gặp Thị. Sãi nhìn vu vơ lên đầu đường Trần Hưng Đạo từng cơn gió cát bốc mù. Gió khô và gay gắt nóng. Lúc xe trở tới trình giấy tờ xong, Sãi mới chịu rời Thị, nhảy lên.

"Anh đi sẽ mạnh giỏi nhưng em phải đừng buồn..."

Có cuộc tiễn đưa nào mà không buồn đâu, có chuyến ra đi nào mà không xuôi cho lòng yếu đuối trong cuộc sống vây phủ yêu thương? Thị khóc, Sãi bùi ngùi. Thương và lo cho nỗi xót xéch lời thối hao gầy của Thị với dáng dấp bé bỏng của cô em gái nhiều tình nghĩa phải sống với những ngày kế tiếp cô đơn.

Sãi đến trình diện trễ trong lúc nhiều người đã được đưa đi các đại đội thực tập nên sáng chiều hai buổi phải có mặt vài phút rồi trở về qua sông ngồi uống café. Con sông chia đôi thành phố, làm thành phố có vẻ tách biệt dễ thương. Chiều hôm mới tới Phan Thiết, nhìn thành phố rộng rãi, và có vẻ ngơ ngác của một tỉnh lẻ, Sãi thấy mến thành phố này. Rồi lại đi coi máy bay thả bom ngoài tỉnh, Sãi nhận ra tình hình ở đây chắc không được yên lắm. Thành phố khép nép, sợ sệt, cửa đóng như một buổi chiều nhàn hạ cuối năm. Sãi không thấy buồn gì về những nguy hiểm đang chờ đợi, có nghĩ chỉ thêm một xác. Và thoáng có ý ngông ngông là mong có súng để được đi đánh nhau cho biết. Trở về, qua sông mua tờ báo đọc Tiểu ngạo giang hồ, và nghĩ tiếp đến Thị, cười cười một mình.

Ở bên này và bên kia sông, Sãi đều có nơi để ghé lại, vui vẻ và thân tình. Nhà bà bác rất thương Sãi, và nhà người bạn có khi yên ổn của cuộc sống công chức. Và hai cô gái để bàn chuyện lúc buồn.

Sãi nghĩ, với cái đà bắt bạn nhanh này Sãi sẽ thấy đỡ cô quanh, tìm lại cái không khí rộn rã tiếng cười lúc ở nhà. Sãi thấy lo cho Thị với những ý nghĩ ra đi biền biệt về mình của nàng, nhưng rồi yên tâm trở lại khi tính biết lá thư nặng trọng lượng 15 trang vừa gửi, chắc đã tới Thị vào chiều nay. Sãi nhận được lệnh đến đóng tại đồn Nora, cách Phan Thiết chừng 30km, sát quốc lộ 1 về phía bắc. Đồn ở trên một ngọn đồi gồm nhiều căn "nhà" bằng bao cát, rộng và chắc. Sãi hôm mới đến đã thấy thích cái đồn này khi từ trên đồi nhìn xuống quan sát xóm nhà nằm kề quốc lộ. Chung quanh có đồi thấp, rừng thưa. Một người lính nhìn Sãi cười, chuẩn úy lên đây tha hồ bắn chim, ăn thịt chim, và đọc chương...

Sau một ngày hành quân vượt qua nhiều đồi, suối và làng xóm, Sãi và đại đội mò xuống quốc lộ, ngồi chờ xe tới chở về phố. Sãi mới nhớ, ngày mai là ngày Chủ nhật. Thêm một ngày nghỉ cuối tuần, một nỗi vui trở về sau một cuộc hành quân không sút mẻ. Sãi được gọi lên nhiều ý nghĩ chia xa nhiều nhất. Và ngay cái thành phố Sãi và bạn bè vừa từ giã lúc sáng, có ai tin chắc được là họ sẽ trở về vào buổi chiều với bữa cơm chờ sẵn? Với tách café, và tờ báo khi qua bên kia sông? Do đó, Sãi mong được sống yên bên những giải bày yêu thương với Thị, và dự định trở về bên nàng nếu cuộc chiến chỉ dợt mình như trò chơi, rồi trả Sãi về với dự ước riêng. Sãi nao nao khi hình dung đến một cuốn truyện mình định viết, tha thiết từng ngày như tình yêu Thị. Ngay cả lúc dừng quân, nằm lơ vơ trên một ngọn đồi lạ, úp nón sắt lên mặt. Sãi thèm quá hơi gió mát trên đồi, sắc nước trong dưới suối, và những cánh đồng hoang nhiều cỏ may. Sãi định bụng sẽ viết cho Thị những ý tưởng đó, và chỉ có bấy nhiêu thôi.

Xe dừng lại đổ lính xuống, Sãi đi tìm ngay một ly café, cho buổi chiều, không nghĩ tới buổi cơm. Bữa ăn lúc trưa với thịt con chim so đũa, với lít rượu đế, vẫn còn nồng đầy trong bụng. Tự dưng Sãi lại cười, khi ăn hết con chim so đũa và uống hết nửa chai rượu, ông Trung úy đại đội trưởng mới nhớ là mình phải ăn chay, kiêng rượu và thịt.

Trở về nhà người bạn với Sãi để được hưởng lại cái không khí đầm ấm, với bà già vui chuyện, người bạn nhiều tâm sự, hai cô gái có người tình vừa đi xa, và những lá thư của Thị, của bạn bè nằm chờ sẵn. Trong những ngày ở đó, Thị đã là đề tài nhiều hấp dẫn cho Sãi nói đến, nghĩ ngợi và vui vui với những tưởng tượng quay quẩn trong đầu. Sãi dần dần nhớ lại hết thảy, nhất là hình dáng hao gầy, lời thôi của Thị trong hai ngày về thăm lại. Cuộc sống một tháng đôi lần được trở về phố yên lành, giúp Sãi tin hơn ở những dự tính đã nghĩ, đã bàn với Thị.

Nora, ngày 1.2.1968

Thị,

Tháng này coi như em không có thư cho anh. Nhiều buổi chiều có người từ Phan Thiết mang sách báo và thư lên, không thấy có tuồng chữ em, buồn. Hồi hôm, trăng sáng đến độ không ngủ được, hết ngồi trên xe GMC coi đánh bài (chớ không đánh bài) lại trèo lên "lóc" nằm, bốn giờ sáng mơ thấy em với nhiều chuyện lộn xộn không mạch lạc, tỉnh dậy nhớ quá, uống trà rồi viết được ít hàng lại xé bỏ. Anh chợt thấy một "câu hỏi" có thể giải thích tại sao em không viết cho anh: Có phải vì anh quá thành thực (nói đủ mọi chuyện) nên anh bị nghi ngờ và làm em nản? Nếu đúng vậy, cũng chẳng có gì đáng trách về phần em. Còn phần anh có lẽ cũng... không đáng trách nốt. Cái tính vốn dễ gây xa cách vì ngộ nhận, quen thói rồi, thầy kệ. Còn nhớ số 13/12 anh bảo em ghi sau tám hình đầu tiên đưa anh? Khi nhận thư này, biết đâu cũng là ngày tháng đó. Khác chăng, mùa lạnh năm nay mỗi đũa một nơi. Riêng anh, thì núi đồi này, chim chóc và rừng cây khô lá này làm anh viển vông thêm và không ngót mơ mộng. Trong nỗi mơ mộng đông dài đó, chuyện tình chúng mình vẫn là thứ dễ hồi tưởng và có rất nhiều ngậm ngùi (như thể tình yêu là những tội nghiệp và dễ thương) tuy cũng rất nhiều dụi dàng xao xuyên: Mấy hôm rồi, đầu tuần trăng, anh xuống xóm uống tới tối mới lên, tới giữa dốc anh nằm dài và muốn nằm dài thế mãi. Những lời muốn đi xa, muốn quên hết của em, những cách xa giữa anh và những thân tình ở chỗ này, chôn nọ, đã tạo cho anh những đêm như vậy. Nằm dài trên dốc bất kể bạn bè và lính chờ, anh vui thích nghĩ là đang sống những phút quên thôi, cho anh, cho em. Những gì em ao ước nhưng không thể thực hiện thì anh đang sống thế cho em, đừng có ham và cũng đừng có đòi nữa.

Nói như vậy cũng chưa hết cái lạ trong mùa này đâu (lạ ở đây có nghĩa: Những gì anh sống khác hồi này năm ngoái). Những buổi ngồi trên cái xe xọc xạch chạy về Phan Thiết, ào vào nhà quen tìm lại chút thân thuộc gia đình rồi lại dời thành phố cùng những mớ hàng hoá vợ lính cười giỡn ồn ào,

anh cho đó là những buổi chiều tự thấy mình xa xôi, biệt lập nhất. Bình thường thì sau những lúc đó phải viết cho em. Nhưng hồi này, dường như em cứ bướng bỉnh cố tự tạo một không khí riêng mà buồn, anh "bất khả" can thiệp, khiến anh đã nghĩ em hết còn muốn anh phiền hà để riêng em, em sống? Nếu đúng vậy, em không nói ra, em dờ hết cỡ. Mình vốn "tôn trọng luật pháp công minh, $2 + 2 = 4$ " mà. Còn nhớ câu danh ngôn: "SỰ HỌC NHƯ CON THUYỀN TRÊN DÒNG NƯỚC NGƯỢC, KHÔNG TIẾN THÌ LÙI"? Tình yêu là một sự học không? Trả lời thử coi, đừng làm biếng. Không đâu. Những cái học được trong tình yêu đắt giá quá, học chỉ cho mệt. Nhưng nó giống sự học ở chỗ không tiến thì lùi phải không?

Anh vừa viết xong khúc đầu một cuốn sách. Em được mô tả một cách hết sức kỳ cục. Chừng nào có báo Xuân anh gửi cho coi sẽ rõ. Giờ thì anh viết một cuốn khác. Còn cuốn kia, định chừng nào về gặp lại em, hỏi ý em rồi viết tiếp. Em có muốn cái nhân vật giống em đó có... một đứa con để dẫn đi phổ cho vui vào cuối cuốn sách?

Em vẫn còn ở chỗ cũ? Nói rõ em sống lúc này ra sao? Bạn bè đi lính vừa rồi có ghé về Tuy Hoà? Chắc bây giờ họ chịu đời lính hơn đời dạy học. Tâm trạng chung mà. Sống thì sống đời lính mới là tuổi trẻ và bay bướm. Trừ anh, anh chỉ cần một chỗ ngồi tán dóc với bè bạn, một xó xinh để ngồi một mình mà viết, nên rất mong về dạy lại. Mỗi ngày một buổi qua cầu, về làng dạy học, còn lại là của mình. Em chịu đựng được lối sống đó?

Bắt đầu nói chuyện về quê ăn Tết và... lấy chồng chưa? Tết năm nay chắc không phải chạy mỗi chân và sợ máy bay như Tết năm rồi đâu. Sống ở Tuy Hoà thì dường như chẳng có gì, nhưng đi xa mới thấy có nhiều thứ lắm cảm đáng nhớ. Sao Tết này chính phủ không phát động một chiến dịch các cô giáo đi thăm các tiền đồn để chúng mình gặp nhau trong hoàn cảnh lắt léo, ly kỳ?

Nhớ là phải viết ngay cho anh sau khi nhận được thư này. Em bắt đầu phải mặc áo ấm mùa lạnh năm ngoài chưa?

Anh. [1]

*

Chiều ngày thứ bảy 10 tháng 1 năm 1969, Thị rú Nga cùng xuống phố để nhận thư và sắm ít đồ trước ngày về nghỉ Tết, Mai đưa cho Thị tám điện tín: Sãi tử trận tại Phan Thiết, ngày 8 tháng 1 năm 1969. Nguyễn Hiếu Học. Thị bàng hoàng, se sắt. Hình dáng Sãi lúi húi bước tới, giọng nói trầm ấm bông đùa, trở lại như vừa mới gặp Sãi lúc sáng ở trường. Thị phân vân, nghĩ bụng, có lẽ lại là một sự thử thách?

Đúng như Thị đã nghĩ, quả đó là một thử thách nhưng lớn lao hơn cho nàng vì Sãi đã chết thực. Chúng ta không ngờ đoạn kết của câu chuyện tình giữa Sãi và Thị như thế. Sãi đến với Thị và ra đi mãi mãi đúng một năm "một năm tròn cho một mối tình giữa thời ly loạn, phải chăng đã là quá dài? Tình yêu, tuổi trẻ..., trong ngọn lửa hung tàn, phi nhân, dễ bén cháy và tàn mục còn hơn những xác lá vật vờ cuốn theo chiều gió.

Sãi đã ra đi, có thể về miền cao nhất. Còn lại Thị, Thị và những kỷ niệm lầy lắt buồn rầu, trên cõi trần gian đầy hệ lụy – chỗ dung thân thấp nhất của kiếp người cô đơn, bé bỏng...

Tuy Hoà, ngày 10.3. 1969

Mang Viên Long

Chú thích:

[1]Ba bức thư trích dẫn trong bài là do chính Y Uyên viết.